

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
trình độ thạc sĩ Y tế công cộng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng.

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Biên bản họp thẩm định Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Y tế công cộng.

Căn cứ đề nghị của ông/bà trưởng phòng Đào tạo Sau Đại Học, trưởng khoa Y tế công cộng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Y tế công cộng. Mã số : 872.07.01

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông/bà trưởng phòng: Đào tạo Sau Đại Học, trưởng khoa Y tế công cộng và khoa/bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c)
- Lưu ĐTSĐH, VT.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Văn Thúc



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ Y TẾ CÔNG CỘNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1596/QĐ-YDHP ngày 30 tháng 12 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

Hải Phòng, tháng năm 20....



| | |
|--|----------|
| I. THÔNG TIN CHUNG | 3 |
| II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO | 3 |
| 2.1. Mục tiêu tổng quát..... | 3 |
| 2.2. Mục tiêu cụ thể..... | 3 |
| III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH | 4 |
| 3.1. Kiến thức | 4 |
| 3.2. Kỹ năng..... | 4 |
| 3.3. Thái độ | 4 |
| IV. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN SINH | 5 |
| 4.1. Đối tượng đào tạo..... | 5 |
| 4.2. Hình thức đào tạo | 5 |
| 4.3. Thông tin tuyển sinh và trúng tuyển..... | 5 |
| V. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO - ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP | 6 |
| 5.1. Tiến trình đào tạo | 6 |
| 5.2 Điều kiện dự thi kết thúc môn học: | 7 |
| 5.3. Điều kiện bảo vệ luận văn | 8 |
| 5.4. Điều kiện cấp bằng điểm, văn bằng | 8 |
| VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM –CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO | 8 |
| 6.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp | 8 |
| 6.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường..... | 9 |
| VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH..... | 9 |
| 7.1. Khung chương trình | 9 |
| 7.2. Mô tả học phần..... | 10 |

I. THÔNG TIN CHUNG

- Chương trình đào tạo: Thạc sĩ
- Chuyên ngành: Y tế công cộng
- Mã số: 8720701
- Độ đào tạo: Sau đại học
- Thời gian đào tạo: 24 tháng
- Năm học áp dụng: 2018- 2020

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đào tạo Thạc sĩ Y tế công cộng có kiến thức, thái độ, kỹ năng trong việc xác định và đề xuất các biện pháp thích hợp giải quyết có hiệu quả các vấn đề sức khoẻ công cộng.

2.2. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

- 1) Thể hiện thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nguyên lý của chăm sóc sức khoẻ ban đầu.
- 2) Ứng dụng những kiến thức và kỹ năng về dịch tễ học, kinh tế y tế, thống kê y tế, sức khoẻ môi trường, tổ chức và quản lý y tế, khoa học xã hội để xác định các vấn đề y tế công cộng và đề xuất giải pháp thích hợp để giải quyết vấn đề dựa trên cơ sở nguồn lực cho phép.
- 3) Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình y tế và các hoạt động chăm sóc sức khoẻ dựa trên các kiến thức về dịch tễ học, thống kê, sức khoẻ môi trường và xã hội học.
- 4) Đánh giá, giám sát các chương trình y tế và các hoạt động chăm sóc sức khoẻ.
- 5) Tổ chức hướng dẫn thực hiện các chính sách, luật liên quan đến sức khoẻ với sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức khác.
- 6) Lập kế hoạch biên soạn được các tài liệu giáo dục sức khoẻ và tiến hành giáo dục sức khoẻ, nâng cao sức khoẻ cho cộng đồng.
- 7) Lập kế hoạch, triển khai đào tạo về kiến thức, kỹ năng y tế công cộng cho cán bộ trong lĩnh vực sức khoẻ công cộng.
- 8) Hợp tác liên ngành với các tổ chức chính phủ, phi chính phủ (trong và ngoài nước) để phát triển y tế công cộng.
- 9) Thiết kế, thực hiện và viết được báo cáo về các nghiên cứu sức khoẻ công cộng.
- 10) Tổ chức, điều hành, giám sát, đánh giá hoạt động của hệ thống chăm sóc sức khoẻ.
- 11) Quản lý, đánh giá dự án y tế và xây dựng dự án y tế

III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH

3.1. KIẾN THỨC

- KT1. Áp dụng được kiến thức về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước và chính sách y tế trong thực hành nghề nghiệp.
- KT2. Áp dụng được các kiến thức về y tế công cộng và nghiên cứu khoa học trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân
- KT3. Áp dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội theo đặc thù của từng khu vực trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân
- KT4. Phân tích được các nội dung chính của khung hệ thống y tế Việt Nam.

3.2. KỸ NĂNG

Kỹ năng cứng

- KN1. Xác định được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;
- KN2. Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng và đề xuất giải pháp thích hợp;
- KN3. Lập kế hoạch, đề xuất giải pháp và tổ chức các hoạt động bảo vệ chăm sóc sức khỏe cộng đồng;
- KN4. Theo dõi và tham gia đánh giá việc thực hiện các chương trình sức khỏe tại cộng đồng;
- KN5. Giám sát, phát hiện sớm và tổ chức phòng, chống bệnh dịch tại cộng đồng;
- KN6. Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y tế công cộng.

Kỹ năng mềm

- KN7. Sử dụng thành thạo một số phần mềm ứng dụng để xử lý, phân tích số liệu trong các nghiên cứu khoa học.
- KN8. Xây dựng năng lực tự nghiên cứu, học tập suốt đời.
- KN9. Tiếng Anh đạt tối thiểu trình độ bậc 3 khung ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt nam hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

3.3. THÁI ĐỘ

- TĐ1. Trung thực và có trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu và làm việc.
- TĐ2. Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

TĐ3. Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe

IV. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN SINH

4.1. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO

- Tốt nghiệp đại học (ngành Y và các ngành khác khi có nguyện vọng được đào tạo như: cử nhân khoa học môi trường, cử nhân sinh học, dược sĩ....)
- Có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến lĩnh vực Y tế công cộng từ 2 năm trở lên.
- Những thí sinh không phải ngành Y có chứng chỉ chuyên khoa sơ bộ y tế công cộng.

4.2. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

Đào tạo tập trung: 24 tháng

4.3. THÔNG TIN TUYỂN SINH VÀ TRÚNG TUYỂN

4.3.1. Thời gian tuyển sinh và thông tin tuyển sinh

- Thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức vào tháng 8 hàng năm theo kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Hiệu trưởng căn cứ vào tình hình thực tế của Trường để xác định số lần tuyển sinh (tối đa 02 lần/ năm) và thời điểm tuyển sinh cho từng năm.
- Thông báo tuyển sinh ít nhất 3 tháng trước khi thi tuyển.
- Thông báo được niêm yết tại Trường, gửi đến các đơn vị đào tạo của Nhà trường, các trường đào tạo nhân viên y tế, các cơ sở y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan và được đăng tải trên website của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

4.3.2. Môn thi tuyển

- Môn thi tuyển sinh bao gồm: Ngoại ngữ, Môn cơ sở và Môn chuyên ngành
 - Ngoại ngữ: Trình độ B (Một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung)
 - Môn cơ sở: Dịch tễ học
 - Môn chuyên ngành: Sức khoẻ môi trường - Sức khoẻ nghề nghiệp
- Thời gian thi và phòng thi:
 - Thời gian làm bài thi môn cơ sở và môn chuyên ngành theo hình thức tự luận là 180 phút, thời gian làm bài môn ngoại ngữ 120 phút.
 - Thời gian thi tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức liên tục trong các ngày. Lịch thi cụ thể từng môn do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

4.3.3. Điều kiện dự thi

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y tế công cộng phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Thuộc đối tượng đào tạo của chương trình đào tạo.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

4.3.4. Trúng tuyển

- Thí sinh phải đạt điểm 5 trở lên theo thang điểm 10 ở các môn thi chuyên ngành, môn thi cơ sở. Môn ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định hiện hành của Thủ trưởng cơ sở đào tạo.
- Căn cứ vào chỉ tiêu đã được xác định cho từng chuyên ngành và tổng điểm thi các môn thi (trừ môn ngoại ngữ) của từng thí sinh, Phòng Đào tạo Sau đại học xác định số lượng thí sinh trúng tuyển và báo cáo Hội đồng tuyển sinh.
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi như nhau (đã cộng cả điểm ưu tiên) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:
 - Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới
 - Người có điểm môn chuyên ngành cao hơn;
 - Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

*** Công nhận trúng tuyển**

Sau khi có kết quả thi tuyển, học viên trúng tuyển sẽ nhận được giấy báo nhập học từ Phòng Đào tạo Sau đại học của trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

V. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO - ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Tiến trình đào tạo

Bảng phân bố tổng quát các môn học theo học kỳ trong toàn khoá

| Mã số | TÊN MÔN HỌC | Thời lượng (Tín chỉ) | Học kỳ | | | |
|---------------------|---------------------------|----------------------------|--------|----|-----|----|
| | | | I | II | III | IV |
| A. MÔN CHUNG | | | | | | |
| CHYTCC.MC.01 | 1. Triết | 3 | | | | |
| CHYTCC.MC.02 | 2. Ngoại ngữ chuyên ngành | 3 | | | | |
| CHYTCC.MC.03 | 3. Toán - tin ứng dụng | 2 | | | | |

| B. MÔN CƠ SỞ HỖ TRỢ | | | | | | |
|---|---|-----------|----|----|----|--|
| CHYTCC.CSHT.04 | 4. Phương pháp dạy học | 2 | | | | |
| CHYTCC.CSHT.05 | 5. Thống kê y học | 3 | | | | |
| CHYTCC.CSHT.06 | 6. PPNCKH | 3 | | | | |
| C. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC | | | | | | |
| CHYTCC.CN.07 | 7. Dịch tễ học cơ sở | 4 | | | | |
| CHYTCC.CN.08 | 8. SKMT | 3 | | | | |
| CHYTCC.CN.09 | 9. SKNN | 3 | | | | |
| CHYTCC.CN.10 | 10. DD & ATTP | 4 | | | | |
| CHYTCC.CN.11 | 11. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và GDSK | 4 | | | | |
| D. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN | | | | | | |
| CHYTCC.TC.12 | 12. SKLT - SKSS - SKTT | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.13 | 13. Kinh tế y tế | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.14 | 14. Một sức khỏe | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.15 | 15. Y học biển | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.16 | 16. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm nhiệt đới | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.17 | 17. Biến đổi khí hậu và Thảm họa | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.18 | 18. Quản lý y tế, dự án y tế và chính sách y tế | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.19 | 19. Chương trình mục tiêu y tế quốc gia | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.20 | 20. Nghiên chất | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.21 | 21. Vệ sinh bệnh viện và trường học | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.22 | 22. Quản lý nguy cơ sinh học | 3 | | | | |
| CHYTCC.TC.23 | 23. Dân số và phát triển | 3 | | | | |
| LUẬN VĂN | | 12 | | | | |
| | TỔNG | 61 | 16 | 18 | 27 | |

5.2 ĐIỀU KIỆN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC:

- Học viên được tham dự kỳ thi kết thúc môn học khi đủ các điều kiện sau:

- a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học.

b) Tham dự đầy đủ các buổi thực tập, thực hành.

- Học viên học, thi chứng chỉ không đúng theo lịch của khoá phải chủ động liên hệ với Phòng Đào tạo Sau đại học để học, thi vào thời gian thích hợp và phải tự túc kinh phí.
- Học viên có điểm môn học không đạt yêu cầu sẽ được dự thi lại lần 2, lịch thi lại lần 2 do Phòng Đào tạo Sau đại học và đơn vị đào tạo sắp xếp. Với kết quả thi lại mà điểm môn học vẫn không đạt yêu cầu, học viên phải học cùng với cao học khóa tiếp sau và phải tự túc kinh phí học tập.
- Học viên có 3 môn trở lên phải thi lại hoặc có 1 môn thi lại lần 3 vẫn không đạt yêu cầu học viên sẽ bị buộc thôi học.

5.3. ĐIỀU KIỆN BẢO VỆ LUẬN VĂN

- Phòng Đào tạo Sau đại học sẽ xếp lịch bảo vệ cho học viên căn cứ vào đề nghị của đơn vị đào tạo.
- Học viên chỉ được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện:
 - Đã học xong và đạt yêu cầu các học phần trong chương trình đào tạo;
 - Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn;
 - Đóng học phí và lệ phí đầy đủ theo quy định.
 - Có chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định.

5.4. ĐIỀU KIỆN CẤP BẰNG ĐIỂM, VĂN BẰNG

- Hiệu trưởng ra quyết định cấp bằng thạc sĩ và bảng điểm cho học viên đủ điều kiện tốt nghiệp (Đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định; Đủ điều kiện bảo vệ luận văn; Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu)
- Bảng điểm cấp cho học viên phải liệt kê đầy đủ tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm đánh giá học phần lần 1 và lần 2 (nếu có), điểm trung bình chung học tập toàn khóa, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách Hội đồng chấm luận văn.

VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM - CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO

6.1. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Y tế công cộng, học viên có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý tại:

- Các cơ sở y tế: Trung tâm Y tế, bệnh viện (chức danh nghề nghiệp bác sĩ, chuyên viên, y tế công cộng)
- Các cơ sở giáo dục đào tạo đại học, cao đẳng thuộc khối ngành khoa học sức khỏe với chức danh giảng viên, nghiên cứu viên

- Các Viện nghiên cứu, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn với chức danh nghiên cứu viên, chuyên viên y tế
- Tại đơn vị khám, chữa bệnh với công tác tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn
- Các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế liên quan tới sức khoẻ, y tế...

6.2. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Y tế công cộng, học viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ Y tế công cộng; Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện...
- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong lĩnh vực y tế công cộng.

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

| | Mã số | Môn học | Số tín chỉ | | |
|---|---------------------------------|---|------------|----|----|
| | | | Tổng | LT | TH |
| A. Môn chung | CHYTCC.MC.01 | 1. Triết | 3 | 3 | 0 |
| | CHYTCC.MC.02 | 2. Ngoại ngữ chuyên ngành | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.MC.03 | 3. Toán - tin ứng dụng | 2 | 1 | 1 |
| | Tổng môn chung | | 8 | | |
| B. Môn cơ sở và hỗ trợ | CHYTCC.CSHT.04 | 4. Phương pháp dạy học | 2 | 1 | 1 |
| | CHYTCC.CSHT.05 | 5. Thông kê y học | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.CSHT.06 | 6. PPNCKH | 3 | 2 | 1 |
| | Tổng môn Cơ sở và hỗ trợ | | 8 | | |
| C. Môn chuyên ngành bắt buộc | CHYTCC.CN.07 | 7. Dịch tễ học cơ sở | 4 | 3 | 1 |
| | CHYTCC.CN.08 | 8. SKMT | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.CN.09 | 9. SKNN | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.CN.10 | 10. DD & ATTP | 4 | 3 | 1 |
| | CHYTCC.CN.11 | 11. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và GDSK | 4 | 3 | 1 |
| | Tổng môn chuyên ngành | | 18 | | |
| D. Môn tự chọn (chọn 5 trong 12 môn) | CHYTCC.TC.12 | 12. SKLT - SKSS - SKTT | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.13 | 13. Kinh tế y tế | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.14 | 14. Một sức khỏe | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.15 | 15. Y học biển | 3 | 2 | 1 |

| | | | | | |
|-----------------------------|-------------------------|---|-----------|---|---|
| | CHYTCC.TC.16 | 16. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm nhiệt đới | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.17 | 17. Biến đổi khí hậu và Thảm họa | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.18 | 18. Quản lý y tế, dự án y tế và chính sách y tế | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.19 | 19. Chương trình mục tiêu y tế quốc gia | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.20 | 20. Nghiện chất | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.21 | 21. Vệ sinh bệnh viện và trường học | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.22 | 22. Quản lý nguy cơ sinh học | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.23 | 23. Dân số và phát triển | 3 | 2 | 1 |
| | Tổng môn tự chọn | | 15 | | |
| E. Luận văn | CHYTCC.LV.24 | 24. Luận văn | 12 | | |
| Tổng chung (tín chỉ) | | | 61 | | |

7.2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

| TT | Học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | |
|----------------------|--|---------------|------------|-----------|
| | | | Lý thuyết | Thực hành |
| Môn học chung | | | 6 | 6 |
| 1 | Triết học: Cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên đề chuyên sâu về triết học nói chung và chủ nghĩa Mác trong nghiên cứu y tế công cộng và phân tích các vấn đề xã hội. | CHYTCC. MC.01 | 3 | 0 |
| 2 | Ngoại ngữ chuyên ngành: Cung cấp các kiến thức và 4 kỹ năng thực hành (nghe, nói, đọc, viết) về tiếng Anh thông dụng (như các chủ đề về gia đình, công việc, sở thích...). Đọc hiểu tài liệu về các chủ đề y tế thông dụng và y tế công cộng. | CHYTCC. MC.02 | 2 | 1 |

| | | | | |
|---|---|------------------|---|---|
| 3 | Toán tin ứng dụng: Môn học cung cấp một số khái niệm và phương pháp thống kê cơ bản, để từ đó học viên áp dụng được một số phương pháp thống kê cơ bản trong phân tích và phiên giải dữ liệu nghiên cứu y học cũng như sử dụng được phần mềm thống kê để hỗ trợ việc xử lý dữ liệu nghiên cứu. | CHYTCC. MC.03 | 1 | 1 |
|---|---|------------------|---|---|

Môn cơ sở và hỗ trợ

| | | | | |
|---|---|--------------------|---|---|
| 1 | Phương pháp dạy học: Cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu trúc chương trình và tổ chức đào tạo đại học; các phương pháp giảng dạy và lượng giá trong công tác đào tạo. | CHYTCC. CSHT.04 | 1 | 1 |
| 2 | Thống kê y học: cung cấp kiến thức về các bài toán thống kê cơ bản và một số bài toán thống kê nâng cao; giúp học viên vận dụng được các phương pháp cơ bản và một số phương pháp nâng cao của Toán thống kê trong việc chọn mẫu, xác định cỡ mẫu và trong phân tích dữ liệu nghiên cứu y học. | CHYTCC. CSHT.05 | 2 | 1 |
| 3 | Phương pháp nghiên cứu khoa học: Cung cấp các kiến thức về nghiên cứu khoa học trong y học, để từ đó giúp học viên ứng dụng trong tìm hiểu vấn đề sức khỏe cộng đồng; xây dựng và triển khai được nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y tế công cộng. | CHYTCC. CSHT.06 | 2 | 1 |

Các môn chuyên ngành

| | | | | |
|---|--|------------------|---|---|
| 1 | Dịch tễ học cơ sở: mô tả các khái niệm, mục tiêu, vai trò và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học trong việc phát triển và mô tả các vấn đề sức khỏe cộng đồng; giúp học viên lựa chọn được các thiết kế nghiên cứu thích hợp trong việc xác định yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng; các phương pháp thích hợp trong việc đánh giá hiệu quả của các biện pháp can thiệp đồng thời phân tích tính giá trị của các kết quả nghiên cứu khoa học. | CHYTCC. CN.07 | 3 | 1 |
| 2 | Sức khỏe môi trường: Sức khỏe môi trường là một trong các môn chuyên ngành bắt buộc của chương trình đào tạo cao học y tế công cộng. Môn học tóm | CHYTCC. CN.08 | 2 | 1 |

| | | | | |
|--|--|------------------|---|---|
| | tất khái niệm chính của sức khỏe môi trường, những yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe môi trường và sức khỏe cộng đồng; Cách tiếp cận nghiên cứu phát hiện và giải pháp giải quyết, dự phòng đối với sức khỏe môi trường và sức khỏe cộng đồng; Sự phối hợp các cơ quan liên quan trong giải quyết vấn đề môi trường và sức khỏe cộng đồng | | | |
| 3 | Sức khỏe nghề nghiệp: Cung cấp các khái niệm cơ bản về an toàn nghề nghiệp, áp dụng nguyên tắc quản lý nguy cơ để bảo vệ người lao động khỏi những mối nguy hại tại nơi làm việc; phát triển những phương pháp kiểm soát nhằm hạn chế hoặc giảm nguy cơ đối với người lao động ở những ngành nghề khác nhau; phát triển những chương trình quản lý và nâng cao sức khoẻ môi trường - nghề nghiệp. | CHYTCC. CN.09 | 2 | 1 |
| 4 | Dinh dưỡng & An toàn thực phẩm: Môn học cung cấp nội dung về các vấn đề dinh dưỡng và thực phẩm với sức khỏe và bệnh tật, các phương pháp phát hiện, các biện pháp can thiệp phòng chống các vấn đề dinh dưỡng trong cộng đồng. | CHYTCC. CN.10 | 3 | 1 |
| 5 | Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe - Giáo dục sức khoẻ: Cung cấp khái niệm cơ bản về giáo dục và nâng cao sức khoẻ; phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khoẻ; các cách tiếp cận để nâng cao sức khoẻ và mô hình thay đổi hành vi; các phương pháp và kỹ năng truyền thông, giáo dục; thiết kế chương trình/ dự án nâng cao sức khoẻ cho cá nhân, gia đình và cộng đồng. | CHYTCC. CN.11 | 3 | 1 |
| Các môn tự chọn (học viên chọn 6 trong 12 môn học sau) | | | | |
| 1 | SK lứa tuổi – SK sinh sản – SK tâm thần: Mô tả vấn đề sức khỏe sinh sản theo từng giai đoạn sức khỏe và lứa tuổi; phát hiện các yếu tố liên quan đến sức khỏe sinh sản theo lứa tuổi; mô tả đặc điểm các rối loạn tâm thần thường gặp trong bối cảnh xã hội văn hoá hiện nay; phát hiện được nguy cơ về các | CHYTCC. TC.12 | 2 | 1 |

| | | | | |
|---|---|------------------|---|---|
| | rối loạn tâm thần thường gặp trong bối cảnh xã hội văn hoá hiện nay. | | | |
| 2 | Kinh tế y tế: Môn học có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho học viên lý thuyết nền tảng về kinh tế học và kinh tế y tế. Với các kiến thức và kỹ năng thu được từ môn học, học viên có khả năng giải thích được các khái niệm cơ bản của kinh tế học, phân tích được vai trò của các yếu tố kinh tế và nghiên cứu kinh tế và tài chính y tế trong quá trình hoạch định chính sách y tế, giải thích được kinh tế y tế có thể kết hợp với các lĩnh vực khác như thống kê y tế, dịch tễ học, khoa học xã hội, quản lý y tế, chính sách y tế...trong việc giải quyết các vấn đề y tế công cộng. | CHYTCC. TC.13 | 2 | 1 |
| 3 | Một sức khỏe: Một sức khỏe là một phương thức khuyến khích phối hợp liên ngành rại các cấp địa phương, quốc gia, quốc tế, và áp dụng kiến thức chuyên môn nhằm cải thiện tối đa sức khỏe của con người, động vật và môi trường. Học phần này trang bị cho học viên các khái niệm cơ bản và các năng lực cốt lõi về một sức khỏe, từ đó có khả năng xác định được các vấn đề một sức khỏe trong cộng đồng và đề xuất giải pháp giải quyết với sự tham gia của nhiều bên liên quan (y tế, thú y, môi trường và các ngành khác). | CHYTCC. TC.14 | 2 | 1 |
| 4 | Y học biển: Môn học cung cấp các kiến thức về ảnh hưởng của điều kiện môi trường lao động, môi trường vi xã hội tới sức khỏe đoàn thuyền viên; các phương pháp quản lý và dự phòng nâng cao sức khỏe nghề nghiệp cho thuyền viên và các đối tượng lao động biển khác. | CHYTCC. TC.15 | 2 | 1 |
| 5 | Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm đới: cung cấp kiến thức về các nguyên lý của quá trình truyền nhiễm; cơ chế truyền nhiễm; phân loại bệnh truyền nhiễm; nguyên lý phòng chống dịch; các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm phổ biến; đặc điểm DTH của một số bệnh không lây phổ biến; các yếu tố nguy cơ của một số bệnh không lây phổ biến; phương pháp giám sát một số | CHYTCC. TC.16 | 2 | 1 |

| | | | | |
|---|--|------------------|---|---|
| | bệnh không lây phổ biến; các chiến lược dự phòng một số bệnh không lây phổ biến tại Việt Nam. | | | |
| 6 | Biến đổi khí hậu và thảm họa: Mục tiêu của môn học nhằm cung cấp kiến thức và xây dựng kỹ năng giúp học viên xác định, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa, đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế cũng như đưa ra các giải pháp ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa ở các cấp nhằm giảm tác động của chúng đến sức khoẻ cộng đồng đồng thời góp phần xây dựng môi trường sống an toàn hơn. | CHYTCC. TC.17 | | |
| 7 | Quản lý y tế - chính sách y tế: cung cấp các kiến thức về hệ thống tổ chức y tế, các chức năng và nội dung quản lý, phân tích các bước của chu trình lập kế hoạch, xây dựng kế hoạch cho chương trình/dự án, xây dựng kế hoạch theo dõi, giám sát chương trình, dự án. Cung cấp một số nội dung cơ bản và khung khái niệm trong phân tích chính sách y tế. Phân tích vai trò của thông tin, Nhà nước, các nhóm lợi ích, các tổ chức quốc tế trong xây dựng, triển khai và đánh giá chính sách y tế. Đồng thời thảo luận về một số vấn đề về chính sách y tế của Việt Nam. | CHYTCC. TC.18 | 2 | 1 |
| 8 | Chương trình mục tiêu y tế quốc gia: học phần cung cấp những kiến thức về các chương trình y tế quốc gia có tính chất ưu tiên, trọng điểm trong giai đoạn hiện nay, giúp học viên nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia trong chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; phân tích và đánh giá được các chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại cơ sở y tế. | CHYTCC. TC.19 | 2 | 1 |
| 9 | Nghiên chất: học phần này nhằm giúp học viên có được kiến thức tổng hợp và mối liên hệ trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế về các vấn đề liên quan đến nghiên chất như tâm thần, HIV và viêm gan vi | CHYTCC. TC.20 | 2 | 1 |

| | | | | |
|----|---|------------------|---|---|
| | rút đê phục vụ cho công việc nâng cao sức khỏe cộng đồng. | | | |
| 10 | Vệ sinh bệnh viện và trường học: cung cấp kiến thức cơ bản về điều kiện vệ sinh yếu tố nguy cơ sức khỏe cho nhân viên y tế, học sinh và cộng đồng chịu ảnh hưởng cũng như các biện pháp dự phòng ảnh hưởng có hại đối với sức khỏe từ môi trường này, từ đó học viên có khả năng phát hiện và đánh giá nguy cơ và bệnh liên quan từ môi trường bệnh viện và trường học và đề xuất các biện pháp dự phòng phù hợp. | CHYTCC. TC.21 | 2 | 1 |
| 11 | Quản lý nguy cơ sinh học: Nguy cơ sinh học là một trong những thách thức ở quy mô toàn cầu ảnh hưởng tới sức khoẻ cộng đồng. Quản lý nguy cơ sinh học là một quá trình được thiết kế để đánh giá và khống chế các nguy cơ liên quan đến việc xử lý hoặc bảo quản và tiêu tuỷ các tác nhân, độc chất trong phòng thí nghiệm và các cơ sở vật chất. Hiểu được khái niệm cơ bản về nguy cơ sinh học, quy định về an toàn sinh học, quản lý nguy cơ là rất cần thiết để thực hiện đánh giá cũng như quản lý nguy cơ sinh học đối với cán bộ làm việc trong lĩnh vực y tế công cộng. Mục tiêu của học phần nhằm cung cấp kiến thức và xây dựng kỹ năng giúp học viên xác định, đánh giá và áp dụng quản lý nguy cơ sinh học trong một môi trường cụ thể | CHYTCC. TC.22 | 2 | 1 |
| 12 | Dân số và phát triển: Môn học giúp học viên phân tích mối quan hệ nhân - quả giữa dân số với kinh tế, dân số với xã hội, dân số với môi trường cả ở cấp độ toàn cầu, mỗi quốc gia cho đến các địa phương và cấp độ gia đình. Điều này cũng cho thấy vị trí quan trọng của công tác DS-KHHGĐ đối với chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình, mỗi địa phương và toàn xã hội. Môn học cũng giới thiệu cho học viên một số nội dung quản lý nhà nước về dân số – KHHGĐ. Những kiến thức và kỹ năng được đề cập trong học phần sẽ được áp dụng trong thực tế công việc sau này của người cán bộ y | CHYTCC. TC.23 | 2 | 1 |

| | | | |
|---|------------------|--|----|
| tế nói chung và cán bộ y tế hoạt động trong lĩnh vực YTCC nói riêng. | | | |
| Luận văn tốt nghiệp (Thực địa): Mỗi học viên thực hiện 1 nghiên cứu độc lập trong vòng 10 tháng. Các chủ đề nghiên cứu của luận văn phù hợp với lĩnh vực y tế công cộng. | CHYTCC. LV.24 | | 12 |

TRƯỜNG KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG

HIỆU TRƯỞNG

*Mum
Quêng Thúy Khuê*



GS.TS Phạm Văn Thúc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành bản Chương trình đào tạo
và Đề cương chi tiết môn học trình độ thạc sĩ Y tế công cộng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng.

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Biên bản họp thẩm định Chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết môn học trình độ thạc sĩ Y tế công cộng.

Căn cứ đề nghị của ông/bà trưởng phòng Đào tạo Sau Đại Học, trưởng khoa Y tế công cộng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Bản chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết môn học trình độ thạc sĩ Y tế công cộng. Mã số : 872.07.01

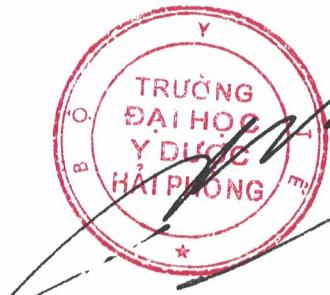
Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông/bà trưởng phòng: Đào tạo Sau Đại Học, trưởng khoa Y tế công cộng và khoa/bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c)
- Lưu ĐTSĐH, VT.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Văn Thức



BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SỸ Y TẾ CÔNG CỘNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15/TT/QLD-YDHP ngày 30 tháng 12 năm 2017

của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

Hải Phòng, tháng năm 20....

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| I. THÔNG TIN CHUNG..... | 3 |
| II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO..... | 3 |
| III. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN..... | 5 |
| 3.1. Môn chung | 5 |
| □ Tên học phần: Triết học Mác - Lê nin..... | 5 |
| □ Tên học phần: Ngoại ngữ chuyên ngành..... | 9 |
| □ Tên học phần: Toán Tin ứng dụng..... | 13 |
| 3.2. Môn cơ sở hỗ trợ | 17 |
| □ Tên học phần: Phương pháp dạy - học | 17 |
| □ Tên học phần: Thống kê y học..... | 21 |
| □ Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học | 26 |
| 3.3. Môn chuyên ngành..... | 30 |
| □ Tên học phần: Dịch tễ học cơ sở | 30 |
| □ Tên học phần: Sức khỏe môi trường | 33 |
| □ Tên học phần: Sức khỏe nghề nghiệp..... | 37 |
| □ Tên học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm | 41 |
| □ Tên học phần: Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và GDSK..... | 44 |
| 3.4. Môn tự chọn..... | 48 |
| □ Tên học phần: Sức khỏe lứa tuổi- SK sinh sản- SK tâm thần | 48 |
| □ Tên học phần: Kinh tế y tế | 52 |
| □ Tên học phần: Một sức khỏe | 56 |
| □ Tên học phần: Y học biển | 59 |
| □ Tên học phần: Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm nhiệt đới..... | 64 |
| □ Tên học phần: Biến đổi khí hậu và thảm họa..... | 67 |
| □ Tên học phần: Quản lý y tế - chính sách y tế..... | 71 |
| □ Tên học phần: Chương trình mục tiêu y tế quốc gia | 74 |
| □ Tên học phần: Nghiên cứu..... | 77 |
| □ Tên học phần: Vệ sinh bệnh viện và trường học..... | 81 |
| □ Tên học phần: Quản lý nguy cơ sinh học..... | 85 |
| □ Tên học phần: Dân số và phát triển | 88 |

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chương trình đào tạo: Thạc sĩ Y tế công cộng
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngành đào tạo: Y tế công cộng
- Mã ngành: 8720701
- Hệ đào tạo: Sau đại học
- Hình thức đào tạo: Tập trung
- Thời gian đào tạo: 24 tháng
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Y tế công cộng
- Đơn vị đào tạo/cấp bằng: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Ngôn ngữ đào tạo: tiếng Việt
- Đối tượng áp dụng: Cao học Y tế công cộng K14
- Thời gian áp dụng: Năm học 2018 – 2020

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| | Mã số | Môn học | Số tín chỉ | | |
|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------|--------|----|
| | | | Tổng | L T | TH |
| A. Môn chung | CHYTCC.MC.01 | 1. Triết | 3 | 3 | 0 |
| | CHYTCC.MC.02 | 2. Ngoại ngữ chuyên ngành | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.MC.03 | 3. Toán - tin ứng dụng | 2 | 1 | 1 |
| | Tổng môn chung | | 8 | | |
| B. Môn cơ sở và hỗ trợ | CHYTCC.CSHT.04 | 4. Phương pháp dạy học | 2 | 1 | 1 |
| | CHYTCC.CSHT.05 | 5. Thống kê y học | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.CSHT.06 | 6. PPNCKH | 3 | 2 | 1 |
| | Tổng môn Cơ sở và hỗ trợ | | 8 | | |
| C. Môn chuyên ngành bắt buộc | CHYTCC.CN.07 | 7. Dịch tễ học cơ sở | 4 | 3 | 1 |
| | CHYTCC.CN.08 | 8. SKMT | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.CN.09 | 9. SKNN | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.CN.10 | 10. DD & ATTP | 4 | 3 | 1 |

| | | | | | |
|---|-------------------------|---|-----------|---|---|
| D. Môn tự chọn (chọn 6 trong 12 môn) | CHYTCC.TC.13 | 13. Kinh tế y tế | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.14 | 14. Một sức khỏe | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.15 | 15. Y học biển | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.16 | 16. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm nhiệt đới | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.17 | 17. Biến đổi khí hậu và Thảm họa | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.18 | 18. Quản lý y tế, dự án y tế và chính sách y tế | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.19 | 19. Chương trình mục tiêu y tế quốc gia | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.20 | 20. Nghiện chất | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.21 | 21. Vệ sinh bệnh viện và trường học | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.22 | 22. Quản lý nguy cơ sinh học | 3 | 2 | 1 |
| | CHYTCC.TC.23 | 23. Dân số và phát triển | 3 | 2 | 1 |
| | Tổng môn tự chọn | | 15 | | |
| E. Luận văn | CHYTCC.LV.24 | 24. Luận văn | 12 | | |
| Tổng chung (tín chỉ) | | | 61 | | |

III. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

3.1. MÔN CHUNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- | | | |
|---|---------------------------------|--------------|
| • Tên học phần: | Triết học Mác - Lênin | |
| • Đối tượng: | Học viên cao học Y tế công cộng | |
| • Mã số học phần: | CHYTCC.MC.01 | |
| • Số tín chỉ: 03 | Lý thuyết: 03 | Thực hành: 0 |
| • Số tiết học: 45 | Lý thuyết: 45 | Thực hành: 0 |
| • Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Bộ môn LLCT | | |

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-----------------------------|---------|----------------------|
| 1 | Th.s GVC Hoàng T Minh Hường | BM LLCT | htmhuong@hpmu.edu.vn |
| 2 | Th.s GVC Trịnh Thị Thủy | BM LLCT | ttthuy@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

- Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Triết học dùng cho khối ngành không chuyên Triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sỹ các ngành tự nhiên và công nghệ là học phần nghiên cứu khái lược về lịch sử triết học, nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng đến đời sống của dân tộc Việt Nam, nội dung nâng cao của Triết học Mác - Lênin và các chuyên đề thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ.

- Vị trí của học phần trong CTĐT

Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sỹ. Học phần nhằm bồi dưỡng tư duy triết học; củng cố, phát triển ở người học một thế giới quan, phương pháp luận khoa học; củng cố cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học – công nghệ của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- Nắm được khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết phương Đông, phương Tây và Triết học Mác – Lênin.
- Hiểu được các nội dung nâng cao về Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.

- 3) Hiểu sâu hơn mối quan hệ tương hỗ giữa triết học với các ngành khoa học khác, nhất là đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.
- 4) Hiểu được vai trò của triết học và các khoa học đối với đời sống xã hội.
- 5) Hiểu được cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học – công nghệ của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

b. Về thái độ:

- 1) Củng cố và tiếp tục rèn luyện khả năng tư duy logic, biện chứng.
- 2) Biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê nin vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.
- 3) Củng cố, tiếp tục xây dựng được thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp làm việc khoa học.
- 4) Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học triết học để góp phần phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên ngành và cuộc sống đặt ra, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.

4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|---|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| 1 | Chương 1. Khái luận về Triết học 1. Triết học là gì? 2. Triết học phương Đông và triết học phương Tây | 15 | |
| 2 | Chương 2. Triết học Mác – Lê nin 1. Sự ra đời của triết học Mác – Lê nin 2. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 4. Chủ nghĩa duy vật lịch sử 5. Triết học Mác – Lê nin trong giai đoạn hiện nay | 15 | |
| 3 | Chương 3. Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học 1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học 2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học | 10 | |
| 4 | Chương 4. Vai trò của Khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội 1. Ý thức khoa học 2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội 3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam | 5 | |

4.2. Thực hành: Không

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:

- o Thuyết trình;
- o Clicker;
- o TBL...

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- *Đánh giá quá trình học phần (20%, kể cả điểm chuyên cần)*

| Nội dung hoặc mục tiêu | Hình thức đánh giá | | | |
|---|--------------------|-------------|-----------|-----------|
| | Quiz | Bài tập nộp | Tiểu luận | Thảo luận |
| Khái luận về triết học | | | | |
| Triết học Mác - Lê nin | | | | |
| Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học | | | 20 % | |
| Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội | | | | |

- *Đánh giá kết thúc học phần (80%)*

| | |
|-------------------|---|
| Hình thức | Tự luận |
| Thời lượng | 90 phút |
| Nội dung đánh giá | <ul style="list-style-type: none">- Đặc trưng của triết học phương Tây, phương Đông và triết học Mác.- Nội dung nâng cao về triết học Mác – Lê nin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.- Mối quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học và vai trò thế giới quan, phương pháp luận triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy, nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.- Vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội |

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Đỗ Minh Hợp (2010): Lịch sử Triết học đại cương - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
- [2]. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc từ Đại hội VI đến Đại hội XI của Đảng (web: dangcongsan.vn)
- [3]. Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:
<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>
<http://www.tapchidangcongsan.org.vn>
<http://www.tapchikinhte.com.vn>

1. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.

2. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Minh Hường

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS Dương Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- | | | |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------|
| • Tên học phần: | Ngoại ngữ chuyên ngành | |
| • Đối tượng: | Học viên cao học Y tế công cộng | |
| • Mã số học phần: | CHYTCC.MC.02 | |
| • Số tín chỉ: 4 | Lý thuyết: 3 | Thực hành: 1 |
| • Số tiết học: 75 | Lý thuyết: 45 | Thực hành: 30 |
| • BM phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ | | |

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-------------------|------------------|-------------------|
| | Ths. Trần Thị Hòa | Bộ môn Ngoại ngữ | tthoa@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Học phần ngoại ngữ cung cấp từ vựng chuyên ngành theo từng chủ đề trong thực hành nghề nghiệp, kết hợp phát triển kỹ năng giao tiếp trong các tình huống chuyên môn và các kỹ năng tra cứu, tự học.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Hệ thống hóa từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y
- 2) Sử dụng được ngữ pháp và từ vựng để đạt mục đích giao tiếp ở trình độ bậc 3 theo khung ngoại ngữ 6 bậc.

b. Về thái độ:

- 1) Nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong học tập và thực hành nghề nghiệp

c. Về thực hành:

- 1) Đọc hiểu, tra cứu được các tài liệu Tiếng Anh về chuyên ngành
- 2) Giao tiếp được trong một số tình huống cơ bản thuộc thực hành nghề nghiệp
- 3) Nghe hiểu và xác định được các thông tin cụ thể trong các đoạn hội thoại Tiếng Anh có nội dung thuộc chuyên ngành.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|-----------------------------------|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| 1 | Unit 1. Hospital departments | 2 | 4 |
| 2 | Unit 2. Hospital staff | 2 | 4 |
| 3 | Unit 3. Hospital Equipment | 2 | 4 |
| 4 | Unit 4. Parts of the body 1 | 2 | 4 |
| 5 | Unit 5. Parts of the body 2 | 2 | 4 |
| 6 | Unit 6. Parts of the body 3 | 2 | 4 |
| 7 | Unit 7. Respiratory system | 2 | 4 |
| 8 | Unit 8. Circulatory system | 2 | 4 |
| 9 | Unit 9. Digestive system | 2 | 4 |
| 10 | Unit 10. First Aid | 2 | 4 |
| 11 | Unit 11. Common Abbreviations | 2 | 4 |
| 12 | Unit 12. Measurements | 2 | 4 |
| 13 | Unit 13. Administering medication | 2 | 4 |
| 14 | Unit 14. Describing frequency | 2 | 4 |
| 15 | Unit 15. Maintaining hygiene | 2 | 4 |
| 16 | Unit 16. Blood | 2 | 4 |
| 17 | Unit 17. Bones | 2 | 4 |
| 18 | Unit 18. Skin | 2 | 4 |
| 19 | Unit 19. Nervous system | 2 | 4 |
| 20 | Unit 20. Endocrine system | 2 | 4 |

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|------------------------------------|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| 21 | Unit 21. Reproductive system | 2 | 4 |
| 22 | Unit 22. Urinary system + Revision | 3 | 6 |
| | | 45 | 90 |

4.2. Thực hành .

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|---------|--------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Unit 1. Overview of B1 speaking Tests | 4 | 2 |
| 2 | Unit 2. Group presentation 1 | 4 | 2 |
| 3 | Unit 3. Group presentation 2 | 4 | 2 |
| 4 | Unit 4. Group presentation 3 | 4 | 2 |
| 5 | Unit 5. Group presentation 4 | 4 | 2 |
| 6 | Unit 6. Group presentation 5 | 4 | 2 |
| 7 | Unit 7. Writing for B1 Test: Sentence Transformation | 6 | 3 |
| | | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Phát vấn
- Thực hành:
 - o Thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết
 - o Thảo luận

- Đóng vai
- Làm việc nhóm

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - Lý thuyết: Thi viết
 - Thực hành: Thi nói

- Số lần thi: 02

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Virginia, E., Jenny D. & Trang M. Tr. (2012). *Career Paths: Medical*. Express Publishing.

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Vương Thị Thu Minh và Phạm Gia Khải (2010). *Tiếng Anh chuyên ngành : Dùng cho sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội

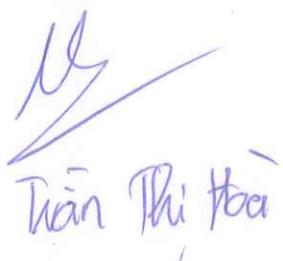
8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

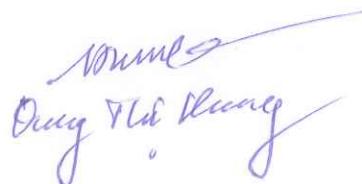
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hoài

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Lương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Toán Tin ứng dụng
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.MC.03
- Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
- Số tiết học: 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Bộ môn Toán học

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-------------------|-----------------|---------------------|
| 1 | Nguyễn Tiến Thắng | Bộ môn Toán học | ntthang@hpmu.edu.vn |
| 2 | Đào Thu Hằng | Bộ môn Toán học | dthang@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Học phần cung cấp một số kiến thức, kỹ năng cơ bản của Toán thống kê ứng dụng và kỹ năng sử dụng phần mềm thống kê trong phân tích dữ liệu nghiên cứu y học.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Trình bày được một số khái niệm và phương pháp thống kê cơ bản.
- 2) Áp dụng được một số phương pháp thống kê cơ bản trong phân tích và phiên giải dữ liệu nghiên cứu y học.

b. Về thái độ:

- 1) Có ý thức áp dụng các phương pháp của Toán thống kê và sử dụng phần mềm thống kê trong nghiên cứu y học.

c. Về thực hành:

- 1) Sử dụng được phần mềm thống kê để hỗ trợ việc mô tả dữ liệu và tính toán thống kê.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|----------|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| | | | |

| | | | |
|---|--|---|---|
| | Bài 1. Thống kê mô tả | | |
| 1 | 1. Tổng thể và mẫu 2. Các loại dữ liệu và thang đo 3. Mô tả dữ liệu định tính 4. Mô tả dữ liệu định lượng 5. Giới thiệu phần mềm SPSS | 2 | 4 |
| 2 | Bài 2. Ước lượng tham số 1. Khái niệm về ước lượng điểm và ước lượng khoảng 2. Ước lượng trung bình 3. Ước lượng tỷ lệ 4. Ước lượng OR | 3 | 6 |
| 3 | Bài 3. So sánh trung bình của biến có phân phối chuẩn 1. Khái niệm về kiểm định giả thuyết thống kê 2. So sánh trung bình tổng thể với một số 3. So sánh các trung bình | 3 | 6 |
| 4 | Bài 4. Kiểm định phân phối chuẩn và kiểm định hạng 1. Kiểm định phân phối chuẩn 2. Kiểm định Mann – Whitney 3. Kiểm định tổng hạng theo dấu của Wilcoxon | 3 | 6 |
| 5 | Bài 5. So sánh tỷ lệ và kiểm định tính độc lập 1. So sánh tỷ lệ với một số 2. So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập của hai biến định tính | 2 | 4 |
| 6 | Bài 6. Tương quan và hồi quy tuyến tính | 2 | 4 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|----------|---------|--------|
| | | TH | Tự học |
| | | | |

| | | | |
|---|--|---|---|
| | Bài 1. Tạo và lưu tệp dữ liệu trên SPSS | | |
| 1 | 1. Khởi động SPSS 2. Tạo biến 3. Nhập dữ liệu 4. Lưu tệp dữ liệu | 4 | 2 |
| 2 | Bài 2. Các thao tác cơ bản trên dữ liệu 1. Nối các tệp dữ liệu 2. Sắp xếp và lọc dữ liệu 3. Tạo biến mới bằng lệnh Compute 4. Tạo biến mới bằng lệnh Recode 5. Tạo biến mới bằng lệnh Count | 4 | 2 |
| 3 | Bài 3. Mô tả dữ liệu 1. Mô tả dữ liệu định tính 2. Mô tả dữ liệu định lượng | 4 | 2 |
| 4 | Bài 4. Ước lượng tham số 1. Ước lượng trung bình 2. Ước lượng tỷ lệ 3. Ước lượng OR | 4 | 2 |
| 5 | Bài 5. So sánh trung bình của biến có phân phối chuẩn 1. So sánh trung bình tổng thể với một số 2. So sánh các trung bình | 4 | 2 |
| 6 | Bài 6. Kiểm định phân phối chuẩn và kiểm định hạng 1. Kiểm định phân phối chuẩn 2. Kiểm định Mann – Whitney 3. Kiểm định tổng hạng theo dấu của Wilcoxon | 4 | 2 |
| 7 | Bài 7. So sánh tỷ lệ và kiểm định tính độc lập 1. So sánh tỷ lệ với một số 2. So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập của hai biến định tính | 3 | 2 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình tích cực
 - o Thảo luận
 - o Tự học
- Thực hành:
 - o Thuyết trình tích cực
 - o Thảo luận
 - o Làm mẫu, kèm cặp
 - o Tự học

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi vấn đáp
 - o Thực hành: Bài tập lớn
- Cách tính điểm học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} * 2 + \text{TH}) / 3$$

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

- [1] Nguyễn Tiến Thắng - Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng (2016).
Bài giảng Toán Tin ứng dụng.

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Hùng Thắng (2009), *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
[2] Lê Cự Linh (2009). *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, Hà Nội.
[3] Phạm Việt Cường (2009). *Thống kê y tế công cộng (Phần phân tích số liệu)*, NXB Y học, Hà Nội.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu.
- Phòng máy tính để dạy – học thực hành.

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Tiến Thắng

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

3.2. MÔN CƠ SỞ HỖ TRỢ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Phương pháp dạy - học
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.CSHT.04
- Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
- Số tiết học: 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Đơn vị Giáo dục Y học

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|---------------------------|-----------------------|-------|
| 1 | PGS. TS. Nguyễn Thị Dung | Đơn vị Giáo dục Y học | |
| 2 | PGS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng | Đơn vị Giáo dục Y học | |
| 3 | PGS. TS. Nguyễn Văn Mùi | Đơn vị Giáo dục Y học | |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Sau khi hoàn thành khóa học, các học viên có khả năng:

1. Vận dụng được kiến thức tổng quan về các phương pháp dạy-học và lượng giá trong đào tạo y khoa vào chuyên ngành y tế công cộng.
2. Viết được kế hoạch bài giảng và case study theo chuyên ngành của mình.
3. Thực hiện được một bài giảng với các phương pháp dạy-học và lượng giá đã được cung cấp trong khóa học.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Phân tích được các điểm mạnh của cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm trong quá trình dạy - học tích cực, các phương pháp dạy-học dựa trên năng lực
- 2) So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp dạy – học y học
- 3) Phân tích được các bước của phương pháp dạy học microteaching
- 4) Hiểu được vai trò của phản hồi trong dạy học y học và vận dụng được các nguyên tắc phản hồi có hiệu quả

- 5) So sánh được ưu nhược điểm của các công cụ hỗ trợ trong dạy – học y học
- 6) So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp lượng giá dựa trên năng lực (kiến thức, thái độ, kỹ năng)

b. Về thái độ:

- 1) Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dạy - học y học trong thực hành nghề nghiệp

c. Về thực hành:

- 1) Thiết kế được một kế hoạch dạy - học bao gồm đầy đủ các phần với các phương pháp dạy học tích cực cho một buổi lên lớp
- 2) Thực hiện được 1 buổi dạy - học.
- 3) Viết được case study theo chuyên ngành của mình
- 4) Phát triển được các công cụ thường dùng để lượng giá kiến thức, thái độ và kỹ năng.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-----|---|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| 1. | Tổng quan về dạy-học tích cực | 1 | 2 |
| 2. | Thiết kế quy trình dạy – học | 1 | 2 |
| 3. | Mục tiêu và cách viết mục tiêu học tập | 1 | 2 |
| 4. | Cách viết kế hoạch bài giảng | 1 | 2 |
| 5. | Tổng quan về các phương pháp dạy-học dựa trên năng lực | 1 | 2 |
| 6. | Phương pháp động não | 1 | 2 |
| 7. | Dạy-học bằng thuyết trình và thuyết trình có minh họa | 1 | 2 |
| 8. | Dạy-học bằng phương pháp thảo luận nhóm | 1 | 2 |
| 9. | Dạy-học bằng bảng kiểm | 1 | 2 |
| 10. | Dạy học bằng case study | 1 | 2 |
| 11. | Dạy-học lâm sàng; dạy học bên giường bệnh và mô hình dạy học Microskills. | 1 | 2 |
| 12. | Dạy học bằng Microteaching | 1 | 2 |
| 13. | Kỹ năng phản hồi | 1 | 2 |

| | | | |
|-----|--|---|---|
| 14. | Các công cụ hỗ trợ trong dạy – học | 1 | 2 |
| 15. | Tổng quan về lượng giá dựa trên năng lực (lượng giá kiến thức, kỹ năng, thái độ) | 1 | 2 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-----|---|---------|--------|
| | | TH | Tư học |
| 1. | Thiết kế quy trình dạy – học | 2 | 1 |
| 2. | Mục tiêu và cách viết mục tiêu học tập | 2 | 1 |
| 3. | Cách viết kế hoạch bài giảng | 2 | 1 |
| 4. | Phương pháp động não | 2 | 1 |
| 5. | Dạy-học bằng thuyết trình và thuyết trình có minh họa | 2 | 1 |
| 6. | Dạy-học bằng phương pháp thảo luận nhóm | 2 | 1 |
| 7. | Dạy-học bằng bảng kiểm | 2 | 1 |
| 8. | Dạy-học bên giường bệnh | 2 | 1 |
| 9. | Mô hình dạy học Microskills | 2 | 1 |
| 10. | Dạy học Microteaching | 2 | 1 |
| 11. | Kỹ năng phản hồi | 2 | 1 |
| 12. | Các công cụ hỗ trợ trong dạy – học | 2 | 1 |
| 13. | Dạy học bằng case study | 2 | 1 |
| 14. | Lượng giá kiến thức | 2 | 1 |
| 15. | Lượng giá kỹ năng và thái độ | 2 | 1 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình tích cực
 - o Clicker
 - o Thảo luận

- Thực hành:

- o Thảo luận
- o Làm mẫu, kèm cặp

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết
 - o Thực hành: Bài tập lớn (là điều kiện dự thi lý thuyết)

- Cách tính điểm học phần: điểm thi lý thuyết là điểm tổng kết học phần

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Tài liệu phát tay – Đơn vị Giáo dục Y học – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

[2] PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng: Tài liệu tập huấn phương pháp dạy - học y học

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Phạm Văn Thúc, Nguyễn Ngọc Sáng (chủ biên) (2012). Phương pháp dạy-học lâm sàng. Nhà xuất bản y học Hà Nội.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường, máy chiếu.

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

SANG
PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

MU
Đặng Thị Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Thống kê y học
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.CSHT.05
- Số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- Số tiết học: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Bộ môn Toán học

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-------------------|-----------------|---------------------|
| 1 | Nguyễn Tiến Thắng | Bộ môn Toán học | nithang@hpmu.edu.vn |
| 2 | Đào Thu Hằng | Bộ môn Toán học | dthang@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Học phần cung cấp các phương pháp cơ bản và một số phương pháp nâng cao của Toán thống kê ứng dụng trong nghiên cứu y học.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Vận dụng được các phương pháp thống kê cơ bản và một số phương pháp thống kê nâng cao trong việc chọn mẫu, xác định cỡ mẫu và trong phân tích dữ liệu nghiên cứu y học.

b. Về thái độ:

- 1) Có ý thức áp dụng các phương pháp của Toán thống kê trong nghiên cứu y học.

c. Về thực hành:

- 1) Giải quyết được các bài toán thống kê cơ bản và một số bài toán thống kê nâng cao.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|----------|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| | | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1 | Bài 1. Mẫu và các đặc trưng mẫu 1. Tổng thể và mẫu 2. Các tham số đặc trưng của tổng thể 3. Các phương pháp chọn mẫu 4. Các đặc trưng mẫu | 4 | 8 |
| 2 | Bài 2. Ước lượng các tham số của tổng thể 1. Ước lượng điểm - Khái niệm ước lượng điểm - Ước lượng không chêch - Ước lượng hiệu quả - Ước lượng vững - Ước lượng hợp lý cực đại - Ước lượng đủ 2. Ước lượng khoảng - Định nghĩa khoảng tin cậy - Ước lượng trung bình - Ước lượng tỷ lệ - Ước lượng hiệu hai trung bình - Ước lượng phương sai - Ước lượng OR và RR - Ước lượng hệ số tương quan tuyến tính | 4 | 8 |
| 3 | Bài 3. Kiểm định giả thuyết thống kê 1. Khái niệm và nguyên lý chung 2. Các bài toán kiểm định tham số hai phía, một phía - Kiểm định giả thuyết về trung bình một tổng thể - Kiểm định giả thuyết về tỷ lệ một tổng thể - So hai trung bình tổng thể - Phân tích phương sai một nhân tố 3. Kiểm định phi tham số - Phương pháp Khi bình phương, phương pháp chính xác của Fisher để so sánh các tỷ lệ và kiểm định sự độc lập của hai biến định tính - Kiểm định phân phối chuẩn: tiêu chuẩn phù hợp Khi bình phương, tiêu chuẩn Kolmogorov, tiêu chuẩn Lilliefors, tiêu chuẩn Jarque – Bera - Kiểm định phân phối rời rạc | 4 | 8 |

| | | | |
|---|--|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định Mann – Whitney - Kiểm định tổng hạng theo dấu của Wilcoxon - Kiểm định Kruskal – Wallis - Kiểm định đoạn mạch - Kiểm định Wald – Wolfowitz | 4 | 8 |
| 4 | <p>Bài 4. Tương quan và hồi quy tuyến tính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến 2. Tương quan và hồi quy tuyến tính đa biến | 3 | 6 |
| 5 | <p>Bài 5. Tương quan giữa các biến định tính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tương quan giữa các biến định tính 2. Tương quan hạng | 4 | 8 |
| 6 | <p>Bài 6. Ước tính cỡ mẫu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cỡ mẫu trong ước lượng trung bình 2. Cỡ mẫu trong ước lượng tỷ lệ 3. Cỡ mẫu trong so sánh hai trung bình 4. Cỡ mẫu trong so sánh hai tỷ lệ | 3 | 6 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|---------|--------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Bài 1. Tính các đặc trưng mẫu | 4 | 2 |
| 2 | <p>Bài 2. Ước lượng các tham số của tổng thể</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ước lượng điểm 2. Ước lượng khoảng <ul style="list-style-type: none"> - Ước lượng trung bình - Ước lượng tỷ lệ - Ước lượng hiệu hai trung bình - Ước lượng phương sai - Ước lượng OR và RR - Ước lượng hệ số tương quan tuyến tính | 4 | 2 |
| 3 | <p>Bài 3. Kiểm định giả thuyết thống kê</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các bài toán kiểm định tham số hai phía, một phía <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định giả thuyết về trung bình một tổng thể - Kiểm định giả thuyết về tỷ lệ một tổng thể - So hai trung bình tổng thể | 4 | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích phương sai một nhân tố | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> 2. Kiểm định phi tham số <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp Khi bình phương, phương pháp chính xác của Fisher để so sánh các tỷ lệ và kiểm định sự độc lập của hai biến định tính - Kiểm định phân phối chuẩn: tiêu chuẩn phù hợp Khi bình phương, tiêu chuẩn Kolmogorov, tiêu chuẩn Lilliefors, tiêu chuẩn Jarque – Bera - Kiểm định phân phối rời rạc | 4 | 2 |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định Mann – Whitney - Kiểm định tổng hạng theo dấu của Wilcoxon - Kiểm định Kruskal – Wallis - Kiểm định đoạn mạch - Kiểm định Wald – Wolfowitz | 4 | 2 |
| 4 | <p>Bài 4. Tương quan và hồi quy tuyến tính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến 2. Tương quan và hồi quy tuyến tính đa biến | 3 | 2 |
| 5 | <p>Bài 5. Tương quan giữa các biến định tính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tương quan giữa các biến định tính 2. Tương quan hạng | 4 | 2 |
| 6 | <p>Bài 6. Ước tính cỡ mẫu</p> <ol style="list-style-type: none"> 16. Cỡ mẫu trong ước lượng trung bình 17. Cỡ mẫu trong ước lượng tỷ lệ 18. Cỡ mẫu trong so sánh hai trung bình 19. Cỡ mẫu trong so sánh hai tỷ lệ | 3 | 1 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình tích cực
 - o Thảo luận
- Thực hành:
 - o Thuyết trình tích cực
 - o Thảo luận
 - o Làm mẫu, kèm cặp

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi vấn đáp
 - o Thực hành: Bài tập lớn
- Cách tính điểm học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} \times 2 + \text{TH}) / 3$$

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.3. Tài liệu học tập

- [1] Nguyễn Tiến Thắng - Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng (2018).
Bài giảng Thống kê y học.

7.4. Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Hùng Thắng (2009). *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
[2] Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh (2002). *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường, máy chiếu.

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiến Thắng

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS Dương Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.CSHT.06
- Số tín chỉ: 03 TC Lý thuyết: 02 Thực hành: 01
- Số tiết học: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Khoa Y tế công cộng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-------------------------|----------------------------|--|
| 1 | PGS.TS Phạm Văn Hán | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | pghan@yahoo.com |
| 2 | PGS. TS. Phạm Minh Khuê | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | khuepm@gmail.com |
| 3 | PGS.TS Dương Thị Hương | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | duonghuong2001@gmail.com |
| 4 | | | |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu khoa học là một hoạt động sáng tạo và phwucs tạp nhằm nhận thức thế giới và cải tạo thế giới. Đó là việc thu thập một cách hệ thống, phân tích và giải thích kết quả để trả lời một câu hỏi hay giải quyết một vấn đề. Học phần này giúp cho học viên nắm được những thiết kế cơ bản trong nghiên cứu sức khoẻ; cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết cho một nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng từ thiết kế, chọn mẫu, thu thập, phân tích, trình bày kết quả và các vấn đề liên quan đến tuân thủ đạo đức nghiên cứu, dự trù quản lý các nguồn lực phục vụ nghiên cứu. Những kiến thức, thái độ và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc thông qua tiếp cận thực hành y khoa dựa trên thực chứng và nghiên cứu khoa học.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a) *Kiến thức:*

- 1- Phân loại được các loại thiết kế nghiên cứu trong y học và các bước tiến hành xây dựng một đề cương NCKH
- 2- Phân tích được vấn đề sức khỏe trong cộng đồng và lựa chọn vấn đề nghiên cứu ưu tiên
- 3- Mô tả được các loại biến số và kỹ thuật thu thập thông tin trong nghiên cứu khoa học.
- 4- Mô tả được cách tính cỡ mẫu và chọn mẫu trong nghiên cứu dịch tễ học.
- 5- Mô tả được kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin.
- 6- Phân biệt được các test thống kê áp dụng cho các loại biến số/chỉ số nghiên cứu.
- 7- Mô tả được các nội dung của đề cương nghiên cứu khoa học và kế hoạch triển khai nghiên cứu.

b) Về thái độ:

- 1- Nhận thức được tầm quan trọng và tuân thủ nguyên tắc của nghiên cứu khoa học.

c) Về kỹ năng/thực hành:

- 1- Xác định được vấn đề sức khỏe trong cộng đồng và lựa chọn vấn đề nghiên cứu ưu tiên.
- 2- Lựa chọn được phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp cho vấn đề nghiên cứu.
- 3- Xây dựng được biến số và công cụ thu thập thông tin.
- 4- Tính được cỡ mẫu cho các loại nghiên cứu khoa học.
- 5- Lựa chọn được test thống kê phù hợp cho phân tích kết quả nghiên cứu.
- 6- Trình bày được kết quả nghiên cứu.
- 7- Lập kế hoạch triển khai nghiên cứu khoa học.
- 8- Xây dựng được bản đề cương nghiên cứu khoa học.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| STT | Nội dung/Tên bài | Số tiết | |
|-----|---|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| 1. | Bài 1. Tổng quan về các thiết kế nghiên cứu. | 3 | 6 |
| 2. | Bài 2. Lựa chọn vấn đề ưu tiên. Phân tích và nêu vấn đề nghiên cứu. | 3 | 6 |
| 3. | Bài 3. Xây dựng mục tiêu nghiên cứu. | 3 | 6 |
| 4. | Bài 4. Xác định các biến số và chỉ số trong nghiên cứu. | 3 | 6 |
| 5. | Bài 5. Chọn mẫu, cỡ mẫu trong nghiên cứu dịch tễ học. | 3 | 6 |
| 6. | Bài 6. Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin. | 3 | 6 |
| 7. | Bài 7. Lựa chọn test thống kê | 3 | 6 |

| | | | |
|-----|---|----|----|
| 8. | Bài 8. Xử lí, phân tích và trình bày số liệu | 3 | 6 |
| 9. | Bài 9. Lập kế hoạch nghiên cứu về nhân lực, thời gian và kinh phí | 3 | 6 |
| 10. | Bài 10. Cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học. | 3 | 6 |
| | Tổng | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| STT | Nội dung bài | Số tiết | |
|-----|--|---------|--------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Xác định vấn đề nghiên cứu và xây dựng mục tiêu nghiên cứu | 4 | 2 |
| 2 | Thực hành viết tổng quan về vấn đề nghiên cứu | 4 | 2 |
| 3 | Lựa chọn phương pháp nghiên cứu, tính cỡ mẫu và chọn mẫu | 4 | 2 |
| 4 | Xây dựng công cụ thu thập thông tin và kỹ thuật thu thập thông tin | 4 | 2 |
| 5 | Phân tích, xử lý số liệu và lựa chọn test thống kê | 4 | 2 |
| 6 | Trình bày kết quả nghiên cứu | 4 | 2 |
| 7 | Lập kế hoạch nghiên cứu về nhân lực, thời gian và kinh phí | 2 | 1 |
| 8 | Viết đề cương nghiên cứu khoa học. | 4 | 2 |
| | Tổng | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận nhóm;
 - o Bài tập
- Thực hành:
 - o Hướng dẫn kỹ năng
 - o Viết báo cáo/de cương

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: thi tự luận
 - o Thực hành: bài tập tình huống
- Số lần thi: 2
 - o 01 lý thuyết
 - o 01 thực hành

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập:

- [1] Tài liệu phát tay – Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 2016

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Nghiên cứu khoa học. Nguyễn Khắc Minh. – Nhà xuất bản Y học, 2016.
- [2] Nghiên cứu khoa học y học : Tập 1: Phương pháp viết đề cương nghiên cứu. Lưu Ngọc Hoạt. Nhà xuất bản Y học, 2015.
- [3] Phương pháp nghiên cứu khoa học y học: Thống kê ứng dụng và phân tích số liệu. Hoàng Văn Minh. - H. : Y học, 2014.
- [4] Statistical methods in the biological and health science / J.Susan milton. - 2nd. - New York : McGraw, 1992.

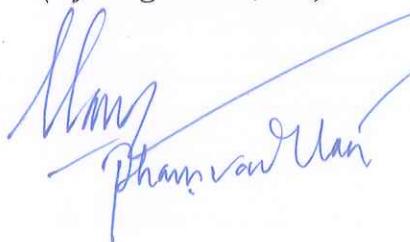
8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiết,
- Giảng đường, phần, bảng,

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

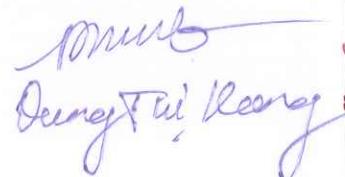
(Ký và ghi rõ họ tên)



Phan Van Khanh

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đặng Tú Kiến

3.3. MÔN CHUYÊN NGÀNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- **Tên học phần:** Dịch tễ học cơ sở
- **Đối tượng:** Học viên cao học Y tế công cộng
- **Mã số học phần:** CHYTCC.CN.07
- **Số tín chỉ:** 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1
- **Số tiết học:** 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30
- **Khoa/BM/giảng viên phụ trách:** Khoa Y tế công cộng/Bộ môn dịch tễ học/PGS.TS. Phạm Văn Hán

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-----------------|---------------------|--------------------------|
| 1 | Phạm Văn Hán | Khoa Y tế công cộng | pvhan@gmail.com |
| 2 | Dương Thị Hương | Khoa Y tế công cộng | duonghuong2001@gmail.com |
| 3 | Phạm Minh Khuê | Khoa Y tế công cộng | pmkhue@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Học phần này học viên sẽ được học khái niệm, nguyên lý về dịch tễ học, các phương pháp nghiên cứu sức khỏe, các nguyên lý và biện pháp dự phòng bệnh tật và vận dụng các nguyên lý trên trong việc đo lường, trình bày và phiên giải được: các số đo mắc bệnh và tử vong, các chỉ số sức khỏe chủ yếu và yếu tố nguy cơ, mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ với các vấn đề sức khỏe, và các can thiệp y tế; đồng thời có thể đề xuất các chiến lược dự phòng các cấp với các mức độ khác nhau trong phòng ngừa bệnh tật và nâng cao sức khỏe.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Trình bày được các khái niệm, mục tiêu, vai trò và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học trong việc phát triển và mô tả các vấn đề sức khỏe cộng đồng.
- 2) Lựa chọn được các thiết kế nghiên cứu thích hợp trong việc xác định yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng.
- 3) Lựa chọn được các phương pháp thích hợp trong việc đánh giá hiệu quả của các biện pháp can thiệp.

4) Phân tích được tính giá trị của các kết quả nghiên cứu khoa học.

b. Về thái độ:

- 1) Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của dịch tễ học trong chiến lược chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- 2) Tinh chuyên cần trong học tập, tuân thủ nội qui môn học
- 3) Kỹ năng tự học hiệu quả
- 4) Tham gia thảo luận nhóm hiệu quả

c. Về thực hành:

- 1) Tính được các số đo mắc bệnh; tử vong và các chỉ số liên quan sức khỏe
- 2) Tính và phiên giải được các kết quả về mối liên quan nguyên nhân hậu quả

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|-----------|-----------|
| | | Lý thuyết | Tự học |
| 1 | Bài 1: Dịch tễ học: phạm vi và ứng dụng | 4 | 8 |
| 2 | Bài 2: Đo lường mắc bệnh và tử vong | 6 | 12 |
| 3 | Bài 3: Đo lường sự kết hợp | 4 | 8 |
| 4 | Bài 4: Các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học <ol style="list-style-type: none"> a. Nghiên cứu mô tả b. Nghiên cứu bệnh chứng c. Nghiên cứu thuần tập d. Nghiên cứu can thiệp | 16 | 32 |
| 5 | Bài 5: Các sai sót trong nghiên cứu dịch tễ học | 3 | 6 |
| 6 | Bài 6: Phương pháp nghiên cứu trên mẫu | 4 | 8 |
| 7 | Bài 7: Kết hợp thống kê và quan hệ nhân quả | 4 | 8 |
| 8 | Bài 8: Sàng tuyển phát hiện bệnh sớm | 4 | 8 |
| | Tổng | 45 | 90 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|---|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Bài 1: Đo lường mắc bệnh và tử vong | 8 | 4 |
| 2 | Bài 2: Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang | 4 | 2 |
| 3 | Bài 3: Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng | 4 | 2 |
| 4 | Bài 4: Phương pháp nghiên cứu thuần tập | 4 | 2 |
| 5 | Bài 5: Nghiên cứu can thiệp | 4 | 2 |
| 6 | Bài 6: Sàng tuyển phát hiện bệnh sớm | 6 | 3 |
| | Tổng | 30 | 15 |

1. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận nhóm

- Thực hành:
 - o Tình huống nghiên cứu

2. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết
 - o Thực hành: Làm bài tập thực hành

- Số lần thi: 02

3. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

3.1. Tài liệu học tập

- [1] Trường Đại học Y Hải phòng. Dịch tễ học, NXB Y học, 2012
- [2] Tài liệu học tập Dịch tễ học- Tài liệu phát tay do giảng viên biên soạn năm 2017

3.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Tổ chức Y tế thế giới - Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, NXB Y học, 2009

4. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Bảng; phấn

5. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS Phạm Văn Hán

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS Dương Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- **Tên học phần:** Sức khỏe môi trường
- **Đối tượng:** Học viên cao học YTCC
- **Mã số học phần:** CHYTCC.CN.08
- **Số tín chỉ:** 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- **Số tiết học:** 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- **Khoa/BM/giảng viên phụ trách:** Khoa YTCC/SKMT/PGS.TS. Dương Thị Hương

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|---------------------------|---|---------------------|
| 1 | PGS. TS. Dương Thị Hương | BM SKMT | dthuong@hpmu.edu.vn |
| 2 | PGS. TS. Nguyễn Bích Diệp | Viện sức khỏe môi trường và nghề nghiệp | diepyhld@gmail.com |
| 3 | BSCKII. Đồng Trung Kiên | CDC Hải Phòng | dtk.skmt@gmail.com |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Sức khỏe môi trường là một trong các môn chuyên ngành bắt buộc của chương trình đào tạo cao học y tế công cộng. Môn học tóm tắt khái niệm chính của sức khỏe môi trường, những yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe môi trường và sức khỏe cộng đồng; Cách tiếp cận nghiên cứu phát hiện và giải pháp giải quyết, dự phòng đối với sức khỏe môi trường và sức khỏe cộng đồng; Sự phối hợp các cơ quan liên quan trong giải quyết vấn đề môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Mục tiêu chung:

Vận dụng được kiến thức các môn chuyên ngành để giải quyết và dự phòng được các vấn đề về ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Mô tả được các yếu tố nguy cơ môi trường đất, nước, không khí, rác thải: bản chất, nguồn phát sinh, chỉ số đánh giá

- 2) Mô tả được ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, rác thải đối với sức khỏe cộng đồng
- 3) Mô tả được các nguyên tắc dự phòng và một số giải pháp cụ thể trong phòng chống ô nhiễm
- 4) Vận dụng được kiến thức của các môn học hỗ trợ như NCSKCD, Dịch tễ vào đánh giá ô nhiễm và ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe cộng đồng

b. Về thái độ:

- 1) Tự học và vận dụng phối hợp kiến thức các môn học trong chương trình đào tạo để giải quyết mục tiêu môn học

c. Về thực hành:

- 1) Chỉ định và phiên giải được các chỉ số đo lường sử dụng đánh giá cơ bản ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí.
- 2) Chỉ định và phiên giải được các chỉ số đánh giá ảnh hưởng của môi trường đối với sức khỏe
- 3) Áp dụng các bước đánh giá quản lý nguy cơ ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe đối với yếu tố ô nhiễm môi trường
- 4) Áp dụng kiến thức môn học NCSKCD và dịch tễ trong nghiên cứu môi trường và sức khỏe cộng đồng

4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|------|---|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| 1 | Bài 1. Ô nhiễm không khí và sức khỏe cộng đồng | 3 | 6 |
| 2 | Bài 2. Ô nhiễm đất và sức khỏe cộng đồng | 2 | 4 |
| 3 | Bài 3. Ô nhiễm nước và sức khỏe cộng đồng | 3 | 6 |
| 4 | Bài 4. Vệ sinh nhà ở và ảnh hưởng ô nhiễm nội thất đối với sức khỏe | 3 | 6 |
| 5 | Bài 5. Đánh giá nguy cơ và kiểm soát các chất thải nguy hiểm | 5 | 10 |
| 6 | Bài 6. Vấn đề Sức khỏe môi trường trong qui hoạch đô thị | 4 | 8 |
| 7 | Bài 7. Dịch tễ học môi trường | 5 | 10 |
| 8 | Bài 8. Thiết kế một nghiên cứu về sức khỏe môi trường | 5 | 10 |
| Tổng | | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-------------|--|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Bài 1. Chỉ định và phiên giải được các chỉ số đo lường sử dụng đánh giá cơ bản ô nhiễm môi trường không khí. | 2 | 1 |
| 2 | Bài 2 Chỉ định và phiên giải được các chỉ số đo lường sử dụng đánh giá cơ bản ô nhiễm môi trường đất | 1 | 1 |
| 3 | Bài 3 Chỉ định và phiên giải được các chỉ số đo lường sử dụng đánh giá cơ bản ô nhiễm môi trường nước, | 1 | 1 |
| 4 | Bài 4. Xây dựng các bước đánh giá yếu tố nguy cơ môi trường giao thông | 10 | 5 |
| | Bài 5. Thiết kế nghiên cứu ô nhiễm môi trường và hậu quả sức khỏe cộng đồng | 15 | 7 |
| Tổng | | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận
- Thực hành:
 - o Phiếu đo môi trường
 - o Xây dựng các bước đánh giá
 - o Thiết kế nghiên cứu sàng lọc và theo dõi ảnh hưởng của môi trường đối với sức khỏe

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết
 - o Thực hành: báo cáo
- Số lần thi: 01
 - o Thực hành: 0 (sử dụng điểm báo cáo thực hành là điểm thực hành)
 - o Lý thuyết: 01
- Cách tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} * 2 + \text{TH} * 1) / 3$$

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Trường Đại học y Hải Phòng. Tài liệu học tập môn sức khoẻ môi trường. 2012

[2] Trường Đại học y Hải Phòng (2012) Sức khỏe môi trường

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Vệ Sinh môi trường dịch tễ : Tập 1. - H. : Y học, 2009. - 511 tr. ;

[2] Trường đại học Y Hà nội (1997). Vệ sinh môi trường dịch tễ T2 / . - H. : Y học., - 480 tr. ;

[3] Trường Đại học Y Hà Nội. (1995). Vệ sinh môi trường tập 1 / - H. : Y học, 1995. - 156 tr. ;

[4] Thường quy kỹ thuật sức khỏe nghề nghiệp và môi trường : Tập 1: Sức khỏe nghề nghiệp. - H. : Y học, 2015. - 626tr. ;

[5] Doãn Ngọc Hải (2015). Thường quy kỹ thuật sức khỏe nghề nghiệp và môi trường : Tập 2: Vệ sinh - Sức khỏe môi trường. Vệ sinh - Sức khỏe trường học. - H. : Y học, 2015. - 475tr. ;

[6] Trường đại học Y Hà Nội - BM dịch tễ học (2015) Thực hành dịch tễ học. - H. : Y học, 1995. - 252 tr.

[7] Handbook of public health methods : Kerr Charles. - USA. : McGraw - Hill, 1998. - 778p. ; 24 cm.

[8] World health Organization (1993) The urban health crisis: Strategies for health for all in the face of rapid urbanization. - Geneva :, 1993. - 80 p.

[9] World Health Organization, 2002 Environmental health in emergencies and disasters:A practical guide / B. Wisner. - Geneva :. - 252p. ; 27cm.

[10] World Health Organization, 1996. Guidelines for drinking - Water quality Vol 2: Health criteria and other supporting information - 973 p. ;

[11] P.Pedosseeve,I.Grigoulevitch (1983). La protection de l'environnement et la socie`te` :.-. - Moscou : 1983.-. - 173 p.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu,

- Phòng thực hành, giảng đường

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Dương Thị Hương

PGS.TS Dương Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Sức khỏe nghề nghiệp
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.CN.09
- Số tín chỉ: 03 TC Lý thuyết: 02 Thực hành: 01
- Số tiết học: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp – Khoa Y tế công cộng , trường Đại học Y Dược Hải Phòng

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|------------------------|---|--|
| 1 | PGS.TS Phạm Minh Khuê | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | khuepm@gmail.com |
| 2 | TS. Nguyễn Văn Sơn | Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường - BYT | |
| 3 | PGS.TS Dương Thị Hương | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | duonghuong2001@gmail.com |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Người lao động luôn có nguy cơ phơi nhiễm với nhiều yếu tố tác hại nghề nghiệp trong môi trường lao động, ảnh hưởng không chỉ đến sức khỏe người lao động mà còn gây tổn kém chi phí điều trị và giảm năng suất lao động. Việc thực hiện đánh giá các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động, áp dụng các biện pháp dự phòng sớm nhằm khống chế các yếu tố nguy cơ đó có vai trò rất quan trọng trong dự phòng sớm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, cải thiện sức khỏe và nâng cao năng suất lao động. Môn học này sẽ giúp học viên có những kiến thức cơ bản và nâng cao về hệ thống sức khỏe nghề nghiệp, các tác hại nghề nghiệp và biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp, từ đó đề xuất và áp dụng được các biện pháp cải thiện và nâng cao sức khỏe người lao động.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a) *Kiến thức:*

- 1) Mô tả được chức năng, nhiệm vụ của khoa học sức khỏe nghề nghiệp, vận dụng

được các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động để đánh giá môi trường lao động.

- 2) Trình bày được ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động tới sức khoẻ và an toàn của người lao động.
- 3) Phân tích được các biện pháp quản lý nguy cơ, phòng chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc
- 4) Áp dụng được nội dung cơ bản của dịch tễ học trong thiết kế các nghiên cứu về lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp

b) *Về thái độ:*

- 1) Có thái độ nghiêm túc trong đề xuất và áp dụng các giải pháp nhằm bảo vệ sức khỏe, phòng chống tai nạn lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất

c) *Về kỹ năng/thực hành:*

- 1) Xác định được các yếu tố nguy cơ tác hại nghề nghiệp trong quá trình lao động.
- 2) Lập được hồ sơ quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.
- 3) Đề xuất được các giải pháp phòng chống thích hợp nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- 4) Áp dụng được kỹ thuật thống kê và dịch tễ học trong công tác về sức khỏe nghề nghiệp .

4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

| TT | Nội dung | Lý thuyết | | Thực hành | |
|----|--|-----------|--------|-----------|--------|
| | | LT | Tự học | TH | Tự học |
| 1 | Bài 1. Tổng quan sức khỏe và an toàn nghề nghiệp | 2 | 4 | 0 | 0 |
| 2 | Bài 2. Hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp ở Việt Nam | 4 | 8 | 4 | 2 |
| 3 | Bài 3. Tác hại nghề nghiệp | 4 | 8 | 4 | 2 |
| 4 | Bài 4. Quản lý nguy cơ trong sức khỏe và nghề nghiệp | 4 | 8 | 4 | 2 |
| 5 | Bài 5. Bệnh nghề nghiệp | 4 | 8 | 4 | 2 |
| 6 | Bài 6. An toàn và chấn thương nghề nghiệp | 4 | 8 | 4 | 2 |
| 7 | Bài 7. Nâng cao sức khỏe nơi làm việc | 4 | 8 | 4 | 2 |

| | | | | | |
|---|--|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 8 | Bài 8. Ứng dụng dịch tễ học trong nghiên cứu sức khỏe nghề nghiệp | 4 | 8 | 6 | 3 |
| | Tổng | 30 | 60 | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình
 - o Thảo luận nhóm
 - o Bài tập
- Thực hành:
 - o Tình huống lâm sàng/cộng đồng
 - o Quan sát/Kiến tập
 - o Viết báo cáo

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: thi tự luận
 - o Thực hành: trình bày báo cáo
- Số lần thi: 01 (Lý thuyết). Điểm tổng kết học phần là điểm thi lý thuyết cuối học phần

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập:

[1] Sức khoẻ nghề nghiệp: Dùng cho đào tạo cao học và chuyên khoa I Y tế công cộng. Nhà xuất bản Y học, 2008.

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Ảnh hưởng một số nguy cơ nghề nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa đến sức khoẻ người lao động và giải pháp can thiệp / Nguyễn Thị Hồng Tú, Nhà xuất bản Y học, 2003.

[2] Bệnh nghề nghiệp: Tập 2 / Lê Trung. - Nhà xuất bản Y học, 1990.

[3] Bệnh nghề nghiệp: Tập 3 / Lê Trung. - Nhà xuất bản Y học, 2000.

[4] Khoa học môi trường và sức khoẻ môi trường: Phần sức khoẻ nghề nghiệp: sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế. - Nhà xuất bản Y học, 2007

[5] Sức khỏe nghề nghiệp: Sách đào tạo cử nhân y học. Nhà xuất bản Y học, 2014.

[6] Tâm sinh lí lao động và Ec-gô-nô-mi/ Bộ Y tế - Viện Y học lao động và vệ sinh môi trường – Nhà xuất bản Y học, 2002

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng,

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phan Thị Khanh

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Dương Thị Hường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.CN.10
- Số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 02 Thực hành: 01
- Số tiết học: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Bộ môn Dinh dưỡng & An toàn thực phẩm – Khoa Y tế Công Cộng

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-------------------------------|--------------------------|-------------------------|
| 1. | PGS. Ts. Phạm Văn Hán | Đại học Y Dược Hải Phòng | pghan@hpmu.edu.vn |
| 2. | PGS. Ts. Trương Thị Tuyết Mai | Viện Dinh dưỡng | truongmai1976@yahoo.com |
| 3. | Ts. Nguyễn Thị Thắm | Đại học Y Dược Hải Phòng | nttham@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Học phần Dinh dưỡng cung cấp kiến thức và thực hành về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, giúp cho người học xác định được vấn đề, các yếu tố nguy cơ, đưa ra biện pháp phù hợp trong phòng chống và kiểm soát các vấn đề dinh dưỡng, thực phẩm có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng.

Học viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Xác định được mối liên quan giữa dinh dưỡng, thực phẩm và sức khỏe
- 2) Phân tích được nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ, biện phòng chống và kiểm soát các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng

3) Phân loại được ngộ độc thức ăn và biện pháp phòng chống các bệnh lây truyền qua thực phẩm

b. Về thái độ:

1) Thái độ đúng đắn đối trong công tác phòng chống bệnh tật do dinh dưỡng không hợp lý và thực phẩm mất an toàn

c. Về thực hành:

1) Xác định được các vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

2) Xây dựng được các biện pháp can thiệp dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

3) Lập được kế hoạch giáo dục truyền thông dinh dưỡng và vệ sinh thực phẩm ở các tuyến tỉnh huyện và cộng đồng.

4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-------------|---|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| 1. | Mối liên quan giữa dinh dưỡng, sức khoẻ và bệnh tật | 2 | 4 |
| 2. | Các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng | 6 | 12 |
| 3. | Can thiệp dinh dưỡng | 4 | 8 |
| 4. | Truyền thông giáo dục dinh dưỡng và an toàn thực phẩm | 4 | 4 |
| 5. | Giám sát dinh dưỡng | 2 | 4 |
| 6. | Ngộ độc thực phẩm và bệnh lây truyền qua thực phẩm | 4 | 8 |
| 7. | Thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm | 4 | 8 |
| 8. | Hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm (GMP, GHP, HACCP) | 4 | 8 |
| Tổng | | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-------------|--|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1. | Đánh giá tình trạng dinh dưỡng | 4 | 2 |
| 2. | Lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng | 8 | 4 |
| 3. | Thực hiện truyền thông giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng | 8 | 4 |
| 4. | Điều tra khẩu phần ăn | 4 | 2 |
| 5. | Điều tra ngộ độc thực phẩm | 6 | 3 |
| Tổng | | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:

- Thuyết trình;
- Thảo luận nhóm
- Thực hành:
 - Tình huống lâm sàng
 - Tình huống cộng đồng

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - Lý thuyết: Thi tự luận
- Số lần thi: 01

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP, trường đại học Y Hải Phòng (2018). Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm – Tài liệu dành cho Thạc sĩ Y tế Công Cộng

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Văn Hán (2012). Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Nhà xuất bản Y học
- [2] Viện dinh dưỡng (1998). Hướng dẫn hoạt động dinh dưỡng ở cộng đồng. Nhà xuất bản Y học
- [3] Trường đại học Y Hà Nội - Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2000). Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng. Nhà xuất bản Y học.
- [4] Đào Thị Yên Phi (2015). Dinh dưỡng học. Nhà xuất bản Y học.
- [5] Lương Lê Hoàng (2004). Dinh dưỡng để trị bệnh. Nhà xuất bản trẻ.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, phấn bảng, giấy A0, bút dạ
- Chuẩn tăng trưởng của WHO 2006, 2007

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thắm

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Dương Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và GDSK
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.CN.11
- Số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1
- Số tiết học: 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Khoa YTCC

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|------------------------|-----------|-------|
| 1. | BSCKII. Nguyễn Bá Dựng | Khoa YTCC | |
| 2. | ThS. Trần Thị Bích Hồi | Khoa YTCC | |
| | | | |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Môn học nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản cũng như cho họ thấy tầm quan trọng của truyền thông giáo dục sức khỏe đối với người cán bộ y tế. Đồng thời cũng trang bị cho học viên các nguyên tắc và những phương pháp, phương tiện được áp dụng trong truyền thông. Từ đó học viên có khả năng lập được một bản kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe và vận dụng các kỹ năng cần thiết để thực hiện được công tác truyền thông – giáo dục sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng. Những kiến thức và kỹ năng được đề cập trong các buổi học sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế nói chung và cán bộ y tế hoạt động trong lĩnh vực YTCC nói riêng.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Mô tả được các khái niệm, mục đích, vai trò về TT-GDSK và Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong chỉ đạo hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe
- 2) Phân tích được các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe

- 3) Hiểu được các nguyên tắc chính để lựa chọn nội dung TT-GDSK và liệt kê được các nội dung chính cần tiến hành TT-GDSK hiện nay
- 4) Phân tích được đặc điểm, ưu nhược điểm của các phương pháp và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe
- 5) Vận dụng được nội dung các bước lập kế hoạch trong TT-GDSK
- 6) Phân tích các yêu cầu làm cho truyền thông có hiệu quả và hiểu được các kỹ năng truyền thông giao tiếp cơ bản cần rèn luyện

b. Về thái độ:

- 1) Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của giáo dục sức khỏe trong việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng
- 2) Sẵn sàng áp dụng những phương pháp, kỹ thuật và triển khai các chương trình GDSK để nâng cao sức khỏe cộng đồng

c. Về thực hành:

- 1) Đánh giá được các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe để đánh giá hành vi sức khỏe trong cộng đồng
- 2) Xây dựng được một bản kế hoạch chi tiết về một vấn đề sức khỏe trong TT-GDSK
- 3) Tổ chức được buổi TT-GDSK cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng

4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-----|--|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| 1. | Bài 1: Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và sự tham gia của cộng đồng vào CSSK | 4 | 8 |
| 2. | Bài 2: Tầm quan trọng của sức khỏe, chính sách tăng cường sức khỏe của WHO và Việt Nam | 4 | 8 |
| 3. | Bài 3: Giới thiệu khái quát về Giáo dục sức khỏe | 4 | 8 |
| 4. | Bài 4: Hành vi sức khỏe, thay đổi hành vi sức khỏe | 4 | 8 |
| 5. | Bài 5: Khái quát về truyền thông, quá trình truyền thông | 4 | 8 |
| 6. | Bài 6: Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe | 4 | 8 |
| 7. | Bài 7: Quản lý giáo dục sức khỏe | 4 | 8 |
| 8. | Bài 8: Các phương pháp và phương tiện truyền thông | 4 | 8 |
| 9. | Bài 9: Giáo dục sức khỏe với cá nhân | 4 | 8 |
| 10. | Bài 10: Giáo dục sức khỏe với các nhóm | 3 | 6 |
| 11. | Bài 11: Giám sát - đánh giá chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe | 6 | 12 |
| | Tổng cộng: | 45 | 90 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1. | Bài 4: Hành vi sức khỏe, thay đổi hành vi sức khỏe | 4 | 2 |
| 2. | Bài 5: Khái quát về truyền thông, quá trình truyền thông | 2 | 1 |
| 3. | Bài 6: Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe | 4 | 2 |
| 4. | Bài 7: Quản lý giáo dục sức khỏe | 4 | 2 |
| 5. | Bài 8: Các phương pháp và phương tiện truyền thông | 4 | 2 |
| 6. | Bài 9: Giáo dục sức khỏe với cá nhân | 4 | 2 |
| 7. | Bài 10: Giáo dục sức khỏe với các nhóm | 4 | 2 |
| 8. | Bài 11: Giám sát - đánh giá chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe | 4 | 2 |
| | Tổng cộng: | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Clicker;
 - o Hướng dẫn thảo luận tình huống
- Thực hành:
 - o Làm việc nhóm giải quyết các tình huống giả định

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết
 - o Thực hành
- Số lần thi: 01

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Y học xã hội (2015). Tài liệu phát tay “ Truyền thông -Giáo dục sức khỏe”

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe . Sách dùng đào tạo cử nhân YTCC /.- H.: Y học, 2006 .(chỉ đạo biên soạn Bộ Y tế, Vụ khoa học và Đào tạo)

[2] Bộ Y tế (2007). *Giáo dục và nâng cao sức khỏe*. Nhà xuất bản Y học.

[3] Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe : Sách dùng đào tạo cử nhân YTCC / Nguyễn Văn Hiến. - H. : Y học, 2006.

[4] Klaus Krickeberg và CS (2014). *Giáo dục sức khỏe*. Nhà xuất bản Y học

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

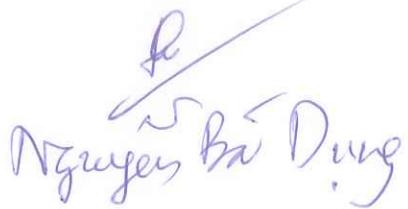
- Máy chiếu

- Giảng đường: bàn ghế, các phương tiện cho làm việc nhóm

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

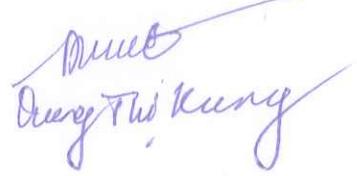
Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Bá Dũng

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Đặng Thị Kung

3.4. MÔN TỰ CHỌN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Sức khỏe lứa tuổi- SK sinh sản- SK tâm thần
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.TC.12
- Số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- Số tiết học: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Khoa y tế công cộng/Sức khỏe môi trường/PGS.TS. Dương Thị Hương

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|----------------------------|------------------|-------------------------|
| 1. | PGS. TS. Dương Thị Hương | Khoa YTCC | dthuong@hpmu.edu.vn |
| 2. | BSCKII Trần Việt Phương | BM Sản | tvphuong@hpmu.edu.vn |
| 3. | PGS. TS. Lê Thị Song Hương | TTYTDP Hải Phòng | lesonghuong59@gmail.com |
| 4. | BSCKII. Đồng Trung Kiên | TTYTDP HP | dtk.skmt@gmail.com |
| 5. | Ths. Nguyễn Thị Minh Ngọc | Khoa YTCC | ntmngoc@hpmu.edu.vn |
| 6. | Ths Lê Sao Mai | BM Tâm thần | lsmai@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Môn Sức khỏe lứa tuổi – sức khỏe sinh sản - sức khỏe tâm thần nhằm cung cấp kiến thức và thực hành cơ bản để học viên phân tích được nguy cơ sức khỏe phù hợp theo nhóm tuổi và những yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe sinh sản, sức khỏe tâm thần để tiếp cận và có thể dự phòng được.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Mô tả đặc điểm sức khỏe theo các lứa tuổi từ tiền học đường cho đến sức khỏe người cao tuổi
- 2) Mô tả các yếu tố nguy cơ liên quan đến sức khỏe sinh sản theo từng giai đoạn sức khỏe và lứa tuổi
- 3) Mô tả đặc điểm các yếu tố nguy cơ liên quan đến sức khỏe tâm thần và một số rối loạn tâm thần thường gặp.
- 4) Xác định được cấp độ dự phòng phù hợp cho mỗi giai đoạn sức khỏe, sức khỏe tâm thần và sức khỏe sinh sản của đối tượng chăm sóc.

b. Về thái độ:

- 1) Hướng tới tự học và biết phối hợp kiến thức các môn học để có thể thực hiện được các công việc liên quan đến chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

c. Về thực hành:

- 1) Phát hiện được nguy cơ về sức khỏe lứa tuổi, nguy cơ sức khỏe sinh sản, sức khỏe tâm thần trong cộng đồng.
- 2) Vận dụng kiến thức các môn học, thiết lập được đề cương đánh giá nguy cơ sức khỏe, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tâm thần tại cộng đồng quan tâm.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| | Phản ứng về sức khỏe lứa tuổi | | |
| 1 | Bài 1. Đại cương về sức khỏe lứa tuổi và các nguyên lý dự phòng theo lứa tuổi | 1 | 2 |
| 2 | Bài 2. Sức khỏe lứa tuổi học đường | 3 | 6 |
| 3 | Bài 3. Sức khỏe vị thành niên | 3 | 6 |
| 4 | Bài 4. Sức khỏe người cao tuổi | 3 | 6 |
| | Phản ứng về sức khỏe sinh sản | | |
| 5 | Bài 5. Đại cương về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, và kế hoạch hóa gia đình | 1 | 2 |
| 6 | Các chỉ số sức khỏe sinh sản, sức khỏe vị thành niên, | 3 | 6 |
| 7 | Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ, chăm sóc sức khỏe tiền mạn kinh và mạn kinh | 3 | 6 |
| 8 | Bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe sinh sản | 3 | 6 |
| | Phản ứng về sức khỏe tâm thần | | |
| 9 | Đại cương sức khỏe tâm thần và các rối loạn tâm thần phổ biến | 1 | 2 |
| 10 | Các rối loạn thần do ma túy, rượu | 3 | 6 |
| 11 | Các rối loạn tâm thần do stress | 3 | 6 |

| | | | |
|----|--|----|----|
| 12 | Lượng giá nguy cơ rối loạn tâm thần do rượu, ma túy, stress ở các nhóm cộng đồng tương đương | 3 | 6 |
| | Tổng | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|---------|--------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Bài 1. Xây dựng các biến số thu thập đánh giá sức khỏe vị thành niên | 5 | 2,5 |
| 2 | Bài 2. Xây dựng các biến số thu thập đánh giá sức khỏe người cao tuổi | 5 | 2,5 |
| 3 | Bài 3. Xây dựng các biến số thu thập đánh giá sức khỏe phụ nữ mãn kinh và tiền mãn kinh | 5 | 2,5 |
| 4 | Bài 4. Xây dựng biến số đánh giá hiểu biết về bệnh lây nhiễm qua đường tình dục cho đối tượng tuổi vị thành niên | 5 | 2,5 |
| 5 | Bài 5. Áp dụng viết đề cương nghiên cứu cho một vấn đề sức khỏe ở cộng đồng quan tâm | 5 | 2,5 |
| 6 | Bài 6. Xây dựng biến số đánh giá nguy cơ và rối loạn thần ở người nghiện ma túy/ nghiện rượu | 5 | 2,5 |
| | Tổng | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - Thuyết trình;
 - Thảo luận nhóm
- Thực hành:
 - Thảo luận nhóm
 - Trình bày và bảo vệ đề cương theo nhóm

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - Lý thuyết: Thi viết
 - Thực hành: Viết bài tập thực hành lấy điểm thực hành, là điều kiện dự thi lý thuyết
- Số lần thi: 01
 - Thực hành: 0
 - Lý thuyết: 01

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

- [1] Khoa y tế công cộng (2012) Tài liệu học tập môn học sức khỏe lứa tuổi,
- [2] Khoa y tế công cộng (2012) Tài liệu học tập môn sức khoẻ sinh sản
- [3] Khoa y tế công cộng (2012) Tài liệu học tập môn sức khoẻ tâm thần

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Dương Đình Thiện / Hoàng Tích Mịch (1981) Dịch tễ học từng bệnh. NXB Y học, 1981.
- [2] Bùi Thị Tú Quyên (2014) Dịch tễ thống kê nâng cao : Dành cho đối tượng học viên sau ĐH NXB : Y học, 2014. - 146tr.
- [3] Trần Thanh Dương Cục y tế dự phòng (2010) Hướng dẫn phòng chống một số bệnh, tật phổ biến ở tuổi học đường. 152Tr. ;
- [4] Đào Ngọc Phong, Nguyễn Hữu Chính (2002) Sức khoẻ lứa tuổi T3 . NXB : Y học, 2002. - 295 tr.
- [5] The health of young people : A challenge and a promise / World health organization. - Geneva : WHO, 1993. - 109p. ;
- [6] Paul D.Sarvela. - NewYork : McGraw-Hill (1999) Health education evaluation and measurement: a practitioner's perspective - 334p. ;
- [7] Marlene B. Goldman (2013) Women & health /. - 2nd ed. - NewYork : Elsevier, 2013. - 1581p.
- [8] Donald R.Coustan Ray V..(1995) Human reproduction : Growth and development / - London : Little, 1995. - 498p. ;

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, máy tính

- Phòng giảng đường

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS. TS. Dương Thị Hương

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Dương Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Kinh tế y tế
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.TC.13
- Số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- Số tiết học: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Khoa YTCC

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|--------------------------|-----------|-------|
| 1. | PGS. TS. Dương Thị Hương | Khoa YTCC | |
| 2. | ThS. Trần Thị Bích Hồi | Khoa YTCC | |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Những chính sách về Y tế - Bảo hiểm xã hội liên quan chặt chẽ đến các nội dung của kinh tế y tế cũng như hoạt động chuyên môn của các bác sĩ hoạt động trong lĩnh vực điều trị và dự phòng. Việc trang bị kiến thức Kinh tế y tế trở nên cần thiết, không chỉ đối với các nhà hoạch định chính sách, những cán bộ quản lý mà cho cả cán bộ y tế, các cán bộ hoạt động trong lĩnh vực YTCC. “Kinh tế y tế” là môn học cung cấp các kiến thức về việc sử dụng nguồn lực trong ngành y tế sao cho hiệu quả nhất.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Trình bày được các khái niệm cơ bản về: kinh tế học, chi phí cơ hội, kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, thị trường, cung, cầu, cân bằng cung - cầu và Phân tích đặc điểm cơ bản của thị trường chăm sóc sức khoẻ.
- 2) Trình bày các khái niệm cơ bản về chi phí, các bước tính chi phí. Giải thích vai trò của phân tích chi phí trong quản lý và giám sát, trong đánh giá hiệu quả và lập kế hoạch.
- 3) Trình bày khái niệm đánh giá kinh tế y tế? Trình bày đặc điểm và khả năng áp dụng, phân tích các bước của 3 phương pháp đánh giá kinh tế y tế.
- 4) Trình bày khái niệm và các bước tính toán đánh giá gánh nặng bệnh tật.
- 5) Trình bày các khái niệm về tài chính y tế. Phân tích sự khác biệt giữa các mô hình tài chính y tế. Phân tích tình hình tài chính y tế Việt Nam hiện nay.

6) Trình bày bản chất của viện phí, bảo hiểm y tế. Trình bày nguyên lý của bảo hiểm y tế, các vấn đề gặp phải khi thực hiện bảo hiểm y tế. Phân tích tác động tích cực và tiêu cực của viện phí. Trình bày các nguyên tắc để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

a. Về thái độ:

- 1) Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của Kinh tế y tế trong quản lý và giám sát, trong đánh giá hiệu quả và lập kế hoạch.
- 2) Sẵn sàng áp dụng những phương pháp, kỹ thuật trong Kinh tế y tế trong các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng

b. Về thực hành:

- 1) Vận dụng các khái niệm thị trường, cung, cầu, cân bằng cung - cầu để lý giải và thực hiện các bài toán về thị trường, thị trường chăm sóc sức khoẻ.
- 2) Thực hiện được cách tính chi phí cho một trường hợp mắc bệnh và cho một chương trình chăm sóc sức khoẻ.
- 3) Tính toán và đưa ra quyết định của bài tập phân tích chi phí - hiệu quả, chi phí - lợi ích, chi phí – thỏa thuận.
- 4) Làm các bài tập tính toán đơn giản các thành phần của DALY.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|---|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| 1. | Bài 1: Giới thiệu kinh tế và kinh tế y tế. | 4 | 8 |
| 2. | Bài 2: Phân tích chi phí | 4 | 8 |
| 3. | Bài 3: Đo lường gánh nặng bệnh tật của cộng đồng. | 4 | 8 |
| 4. | Bài 4: Phân tích chi phí-hiệu quả | 3 | 6 |
| 5. | Bài 5: Phân tích chi phí - lợi ích | 3 | 6 |
| 6. | Bài 6: Phân tích chi phí thỏa thuận | 3 | 6 |
| 7. | Bài 7: Tài chính y tế | 3 | 6 |
| 8. | Bài 8: Bảo hiểm y tế | 3 | 6 |
| 9. | Bài 9: Phí khám chữa bệnh | 3 | 6 |
| | Tổng cộng: | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|---|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1. | Bài 1: Giới thiệu kinh tế và kinh tế y tế. | 4 | 2 |
| 2. | Bài 2: Sức khoẻ và sự phát triển y tế | 4 | 2 |
| 3. | Bài 3: Phân tích chi phí | 6 | 3 |
| 4. | Bài 4: Đo lường gánh nặng bệnh tật của cộng đồng. | 4 | 2 |
| 5. | Bài 5: Phân tích chi phí-hiệu quả | 4 | 2 |
| 6. | Bài 6: Phân tích chi phí - lợi ích | 4 | 2 |
| 7. | Bài 7: Phân tích chi phí thoả dụng | 4 | 2 |
| | Tổng cộng: | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Clicker;
 - o Hướng dẫn thảo luận tình huống
- Thực hành:
 - o Hướng dẫn tính toán các bài tập kinh tế
 - o Làm việc nhóm giải quyết các tình huống giả định

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết
 - o Thực hành

- Số lần thi: 01

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Y học xã hội (2015). *Tài liệu phát tay “Kinh tế y tế”*

7.2 Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Y tế, (2007). *Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế*. Sách đào tạo bác sĩ đa khoa, Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.

[2] Bộ Y tế, Kinh tế y tế (2008): Sách đào tạo Cử nhân Y tế công cộng, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.

[3] Bài giảng Kinh tế y tế (2002), Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.

[5] Vũ Xuân Phú (2012), *Khái niệm cơ bản về kinh tế y tế và tài chính y tế: Tài liệu đào tạo liên tục cho cán bộ quản lý ngành y tế tuyến tỉnh và tuyến trung ương*. H. : Lao động xã hội.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu

- Giảng đường: bàn ghế, các phương tiện cho làm việc nhóm

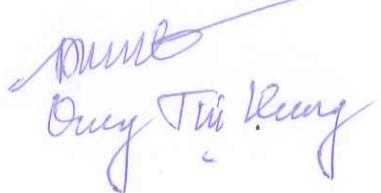
9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

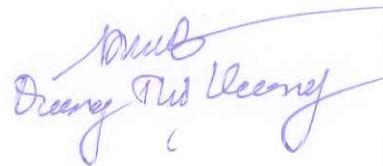
Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Doan Tuy Kien


Doan Tuy Kien

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- **Tên học phần:** Một sức khỏe
- **Đối tượng:** Học viên cao học Y tế công cộng
- **Mã số học phần:** CHYTCC.TC.14
- **Số tín chỉ:** 03 **Lý thuyết:** 02 **Thực hành:** 01
- **Số tiết học:** 60 **Lý thuyết:** 30 **Thực hành:** 30
- **Khoa/BM/giảng viên phụ trách:** PGS. TS. Dương Thị Hương – Khoa Y tế Công Cộng

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|--------------------------|--|---------------------|
| 1. | PGS. Ts. Dương Thị Hương | Đại học Y Dược Hải Phòng | dthuong@hpmu.edu.vn |
| 2. | Ts. Nguyễn Đức Phúc | Mạng lưới một sức khỏe các trường đại học Việt Nam | pdp@vohun.org |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Một sức khỏe là một phương thức khuyến khích phối hợp liên ngành rải các cấp địa phương, quốc gia, quốc tế, và áp dụng kiến thức chuyên môn nhằm cải thiện tối đa sức khỏe của con người, động vật và môi trường. Học phần này trang bị cho học viên các khái niệm cơ bản và các năng lực cốt lõi về một sức khỏe, từ đó có khả năng xác định được các vấn đề một sức khỏe trong cộng đồng và đề xuất giải pháp giải quyết với sự tham gia của nhiều bên liên quan (y tế, thú y, môi trường và các ngành khác).

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Trình bày được khái niệm và ứng dụng của Một sức khỏe
- 2) Phân tích và áp dụng các năng lực cốt lõi trong giải quyết vấn đề Một sức khỏe
- 3) Trình bày được các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và phân tích nguy cơ bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng.

b. Về thái độ:

- 1) Nhận nhận được vai trò quan trọng và cần thiết của Một sức khỏe trong y học.

2) Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và năng lực cốt lõi của Một sức khỏe trong giải quyết các vấn đề cộng đồng.

c. *Về thực hành:*

1) Phân tích được nguy cơ các bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng.

2) Áp dụng 7 năng lực cốt lõi của Một sức khỏe trong giải quyết các vấn đề sức khỏe cụ thể

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| 1. | Tổng quan và các khái niệm cơ bản của một sức khỏe | 4 | 8 |
| 2. | Bệnh truyền lây giữa người và động vật | 4 | 8 |
| 3. | Phân tích nguy cơ và quản lý nguy cơ bệnh truyền nhiễm | 2 | 4 |
| 4. | Tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và các kỹ thuật cơ bản chẩn đoán nhanh tại cộng đồng trong một sức khỏe | 4 | 8 |
| 5. | Tư duy hệ thống và một sức khỏe | 4 | 8 |
| 6. | Chính sách liên quan đến một sức khỏe | 4 | 8 |
| 7. | Yếu tố văn hóa và một sức khỏe | 2 | 4 |
| 8. | Hợp tác trong một sức khỏe | 4 | 8 |
| 9. | Kinh tế một sức khỏe | 2 | 4 |
| | Tổng | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1. | Phân tích nguy cơ và quản lý nguy cơ bệnh truyền nhiễm | 4 | 2 |
| 2. | Tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và các kỹ thuật cơ bản chẩn đoán nhanh tại cộng đồng trong một sức khỏe | 4 | 2 |
| 3. | Tư duy hệ thống và một sức khỏe | 4 | 2 |
| 4. | Yếu tố văn hóa và một sức khỏe | 4 | 2 |
| 5. | Làm việc nhóm trong một sức khỏe | 4 | 2 |
| 6. | Xác định và đề xuất giải pháp giải quyết một vấn đề cụ thể | 10 | 5 |
| | Tổng | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:

- o Thuyết trình;

- Thảo luận nhóm
- Thực hành:
 - Tình huống mẫu
 - Tham quan cộng đồng
 - Tham quan thực địa

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - Lý thuyết: Thi tự luận
- Số lần thi: 01

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Trường đại học Y Hà Nội (2015). Một sức khỏe trong y học dự phòng và y tế công cộng. Nhà xuất bản y học

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Mạng lưới Một sức khỏe các trường Đại học Việt Nam (2016), Năng lực cốt lõi Một sức khỏe, NXB Y học https://vohun.org/wp-content/uploads/2019/03/Sach-A5-VOHUN_final-1.pdf

[2] Horst W.J. Rittel and Melvin M. Webber (1973), “Dilemmas in a General Theory of Planning”, *Policy Sciences* 4, (1973), (pp. 155-169). Retrieved from
<http://link.springer.com/article/10.1007/BF01405730>.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, phấn bảng, giấy A0, bút dạ

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Dương Thị Khuê

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Dương Thị Khuê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- | | | | |
|---|---------------------------------|---------------|--|
| • Tên học phần: | Y học biển | | |
| • Đối tượng: | Học viên cao học Y tế công cộng | | |
| • Mã số học phần: | CHYTCC.TC.15 | | |
| • Số tín chỉ: 03 | Lý thuyết: 02 | Thực hành: 01 | |
| • Số tiết học: 60 | Lý thuyết: 30 | Thực hành: 30 | |
| • Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Khoa Y học biển | | | |

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-------------------------|-----------------|-----------------------------|
| 1 | GS.TS Nguyễn Trường Sơn | Viện Y học biển | truongsonyhb@gmail.com |
| 2 | TS Trần Thị Quỳnh Chi | Viện Y học biển | tranquynhchi@vinimam.org.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

- Có khả năng tham gia quản lý sức khỏe nghề nghiệp biển; điều trị và dự phòng các bệnh lây truyền qua đường biển; phòng chống tai nạn thương tích cho các lao động khu vực biển, đảo.
- Có khả năng tham gia giải quyết các trường hợp cấp cứu biển, đuối nước, phòng chống thảm họa biển.
- Có khả năng khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý chung và một số bệnh có tính chất đặc thù của nghề nghiệp biển cho các lao động, quân và dân trên biển, đảo.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng của môi trường sống và lao động trên các tàu biển đến sức khỏe và sự phát triển bệnh tật có tính chất đặc thù nghề nghiệp biển của các lao động trên biển.
- Trình bày được tầm quan trọng của công tác khám, quản lý sức khỏe nghề nghiệp cho thuyền viên và các đối tượng lao động biển khác.

- 3) Trình bày được đặc điểm dịch tễ học các bệnh lây truyền qua đường biển, vectơ truyền bệnh và các yếu tố nguy cơ, nguyên tắc giải quyết các vụ dịch lây truyền qua đường biển,
- 4) Phân tích được nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ dẫn tới tai nạn thương tích của lao động biển; phòng chống tai nạn thương tích cho lao động biển.
- 5) Phân tích được nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ, cơ chế bệnh sinh một số bệnh mang tính chất nghề nghiệp của lao động biển.
- 6) Trình bày được nguyên tắc và phương pháp cấp cứu ban đầu trên biển, ứng dụng của Tele-Medicine trong tư vấn cấp cứu, chẩn đoán, điều trị và các vấn đề sức khỏe khác cho các lao động biển.
- 7) Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phương pháp cấp cứu, điều trị các tai biến và bệnh lý khi lao động trong môi trường nước và áp suất cao
- 8) Vận dụng trị liệu ôxy cap áp trong chỉ định điều trị một số bệnh lý trên lâm sàng.

b. Về thái độ:

- 1) Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của Y học biển trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho lao động và nhân dân khu vực biển, đảo.
- 2) Tận tụy phục vụ người bệnh;
- 3) Tinh chuyên cần trong học tập, tự học hiệu quả.

c. Về thực hành:

- 1) Có khả năng hướng dẫn công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống tác hại nghề nghiệp và phòng chống tai nạn thương tích cho các lao động biển
- 2) Có khả năng tổ chức quản lý sức khỏe nghề nghiệp biển theo qui định quốc gia và công ước quốc tế;
- 3) Có khả năng chẩn đoán và điều trị có hiệu quả các bệnh thường gặp và các bệnh có tính chất nghề nghiệp của lao động biển
- 4) Có khả năng xử trí, cấp cứu ban đầu trên biển; biết cách sử dụng công nghệ Tele-Medicine trong việc tư vấn cấp cứu biển và các vấn đề y tế trên biển khác cho các lao động và nhân dân trên biển đảo.
- 5) Có khả năng tham gia huấn luyện cấp cứu biển cho thuyền viên, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, ngư dân và các lao động biển khác.
- 6) Có khả năng chẩn đoán, điều trị tai biến lặn, một số bệnh lý trên lâm sàng bằng trị liệu oxy cao áp

4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|----------|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| | | | |

| | | | |
|----|--|-----------|-----------|
| 1 | Bài 1: Đặc điểm môi trường lao động trên tàu biển và ảnh hưởng của nó đến tình trạng sức khỏe của người lao động biển | 3 | 2 |
| 2 | Bài 2: Quản lý sức khỏe cho các lao động biển và công ước quốc tế | 2 | 2 |
| 3 | Bài 3: Các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và phương pháp kiểm soát dịch bệnh trên tàu biển | 2 | 2 |
| 4 | Bài 4: Các bệnh lây truyền có qui định kiểm dịch quốc tế (<i>Bệnh tả, bệnh sốt vàng và bệnh dịch hạch</i>) | 3 | 2 |
| 5 | Bài 5: Phòng chống tai nạn thương tích khi lao động trên biển | 3 | 2 |
| 6 | Bài 6: Chứng bệnh say sóng của người đi biển | 3 | 2 |
| 7 | Bài 7: Chẩn đoán và xử trí một số bệnh có tính chất nghề nghiệp của lao động biển | 3 | 2 |
| 8 | Bài 8: Hội chứng đuối nước (Đuối nước sớm, đuối nước ngọt, đuối nước mặn, điều trị, dự phòng đuối nước) | 3 | 2 |
| 9 | Bài 9: Nguyên tắc cơ bản xử trí cấp cứu ban đầu trên biển và Ứng dụng công nghệ Telemedicine trong Y học biển đảo | 2 | 2 |
| 10 | Bài 10: Đặc điểm môi trường lao động dưới nước và các tai biến khi lao động trong môi trường nước và áp suất cao | 3 | 2 |
| 11 | Bài 11: Cao áp lâm sàng - Cơ chế tác dụng của ô xy cao áp - Chỉ định, chống chỉ định và tác dụng phụ của trị liệu ô oxy cao áp | 3 | 3 |
| | Tổng | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|---|---------|--------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Bài 1: Khám tuyển sức khỏe thuyền viên | 3 | 1.5 |
| 2 | Bài 2: Khám tuyển khả năng chịu đựng cho thuyền viên | 3 | 1.5 |
| 3 | Bài 3: Quản lý sức khỏe thuyền viên | 3 | 1.5 |
| 4 | Bài 4: Chẩn đoán và điều trị một số bệnh có tính chất nghề nghiệp của lao động biển | 4 | 2 |
| 5 | Bài 5: Cấp cứu và xử trí đuối nước | 4 | 2 |

| | | | |
|---|--|----|-----|
| 6 | Bài 6: Cấp cứu, điều trị một số trường hợp dị ứng, ngộ độc do hải sản và tổn thương do động vật biển cắn | 3 | 1.5 |
| 7 | Bài 7: Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí một số bệnh lý trên tàu bằng phương pháp tư vấn y tế từ xa (Telemedicine) | 3 | 1.5 |
| 8 | Bài 8: Chẩn đoán và xử trí tai biến lặn | 3 | 1.5 |
| 9 | Bài 9: Điều trị một số bệnh lý trên lâm sàng bằng ô xy cao áp (HBOT) | 4 | 2 |
| | Tổng | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - + Thuyết trình
 - + Dạy học tích cực, lấy học viên làm trung tâm.
- Thực hành:
 - + Thực hành khám sức khỏe thuyền viên, khám tuyển khả năng chịu sóng
 - + Đi buồng, giảng lâm sàng trên người bệnh cụ thể
 - + Giảng thông qua tình huống lâm sàng; ca bệnh
 - + Thảo luận nhóm

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - + Lý thuyết: Thi viết
 - + Thực hành: Thi vấn đáp thông qua các ca lâm sàng
- Số lần thi: 02
 - o Thực hành: 01
 - o Lý thuyết: 01
- Cách tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} * 1 + \text{TH} * 1) / 2$$

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

- [1] Nguyễn Trường Sơn (2010), Bài giảng Y học biển tập 1, Nhà xuất bản Y học.
- [2] Nguyễn Trường Sơn (2010), Bài giảng Y học biển tập 2, Nhà xuất bản Y học
- [3] Nguyễn Trường Sơn, Trần Thị Quỳnh Chi (2010), Chứng bệnh say sóng của người đi biển, Nhà xuất bản Y học.

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Hiếu (1998), Dịch tễ học các bệnh kiém dịch quốc tế, NXBYH, Hà Nội.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...

- Phòng thực hành/thí nghiệm: Khoa khám bệnh và quản lý sức khỏe lao động biển; Trung tâm Y học dưới nước và cao áp lâm sàng Viện Y học biển

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

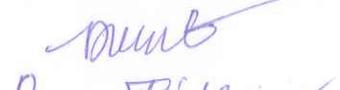
Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Tân

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Đặng Thị Lương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- | | | |
|---------------------------------|---|---------------|
| • Tên học phần: | Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm nhiệt đới | |
| • Đối tượng: | Học viên cao học Y tế công cộng | |
| • Mã số học phần: | CHYTCC.TC.16 | |
| • Số tín chỉ: 4 | Lý thuyết: 3 | Thực hành: 1 |
| • Số tiết học: 75 | Lý thuyết: 45 | Thực hành: 30 |
| • Khoa/BM/giảng viên phụ trách: | Khoa Y tế công cộng/Bộ môn dịch tễ học/PGS.TS. Phạm Văn Hán | |

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-----------------|---------------------|--------------------------|
| 1 | Phạm Văn Hán | Khoa Y tế công cộng | pvhan@gmail.com |
| 2 | Dương Thị Hương | Khoa Y tế công cộng | duonghuong2001@gmail.com |
| 3 | Phạm Minh Khuê | Khoa Y tế công cộng | pmkhue@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Nội dung của môn học bao gồm: nguyên lý cơ bản của nhiễm trùng, truyền nhiễm và quá trình dịch; cơ chế truyền nhiễm, phân loại các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch, tính miễn dịch, vắc xin trong tiêm chủng; đặc điểm dịch tễ học, quá trình dịch và các biện pháp phòng chống một số bệnh truyền nhiễm phổ biến; đặc điểm dịch tễ, yếu tố nguy cơ và biện pháp phòng chống các bệnh không lây phổ biến tại Việt Nam.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Trình bày được các nguyên lý của quá trình truyền nhiễm; cơ chế truyền nhiễm; phân loại các bệnh truyền nhiễm; nguyên lý phòng chống dịch.
- 2) Trình bày được các biện pháp phòng chống những bệnh truyền nhiễm phổ biến.
- 3) Trình bày được những đặc điểm dịch tễ học của một số bệnh không lây phổ biến; các yếu tố nguy cơ của một số bệnh không lây phổ biến; phương pháp giám sát một số bệnh không lây phổ biến
- 4) Trình bày được các chiến lược dự phòng một số bệnh không lây phổ biến.

b. Về thái độ:

- 1) Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của quá trình điều tra giám sát một vụ dịch trong chiến lược chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- 2) Tính chuyên cần trong học tập, tuân thủ nội qui môn học
- 3) Kỹ năng tự học hiệu quả
- 4) Tham gia thảo luận nhóm hiệu quả

c. *Về thực hành:*

- 1) Vẽ được đường cong dịch tễ học dựa theo kết quả điều tra dịch tễ của một trường hợp dịch cụ thể
- 2) Xây dựng được kế hoạch dự phòng các cấp cho một số bệnh nhiễm trùng cụ thể

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|---|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| 1 | Bài 1: Dịch tễ học, chính sách y tế và lập kế hoạch y tế | 4 | 8 |
| 2 | Bài 2: Dịch tễ học các bệnh không lây phổ biến | 4 | 8 |
| 3 | Bài 3: Khái niệm nhiễm trùng, quá trình dịch và phân loại các bệnh truyền nhiễm | 4 | 8 |
| 4 | Bài 4: Nguyên lý phòng chống dịch | 4 | 8 |
| 5 | Bài 5: Điều tra xử lý dịch | 4 | 8 |
| 6 | Bài 6: Giám sát dịch tễ học | 4 | 8 |
| 7 | Bài 7: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp | 2 | 4 |
| 8 | Bài 8: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường da, niêm mạc | 2 | 4 |
| 9 | Bài 9: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa | 2 | 4 |
| 10 | Bài 10: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu | 2 | 4 |
| 11 | Bài 11: Bệnh sốt xuất huyết | 3 | 6 |
| 12 | Bài 12: Viêm não Nhật Bản | 3 | 6 |
| 13 | Bài 13: Dịch tễ học và dự phòng nhiễm HIV/AIDS | 4 | 8 |
| 14 | Bài 14: Dịch tễ học viêm gan virus | 3 | 8 |
| | Tổng | 45 | 90 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|---|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Bài 1: Nguyên lý phòng chống dịch | 4 | 2 |
| 2 | Bài 2: Điều tra xử lý dịch | 4 | 2 |
| 3 | Bài 3: Giám sát dịch tễ học | 4 | 2 |
| 4 | Bài 4: Bệnh sốt xuất huyết | 4 | 2 |
| 5 | Bài 5: Viêm não Nhật Bản | 4 | 2 |
| 6 | Bài 6: Dịch tễ học và dự phòng nhiễm HIV/AIDS | 4 | 2 |
| 7 | Bài 7: Dịch tễ học viêm gan virus | 6 | 3 |
| | Tổng | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận nhóm
- Thực hành:
 - o Tình huống nghiên cứu

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết
 - o Thực hành: Làm bài tập thực hành
- Số lần thi: 02

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

- [1] Tài liệu học tập Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm nhiệt đới- Tài liệu phát tay của bộ môn (năm 2014)

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Dương Đình Thiện- Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội (2006)
- [2] Trường Đại học Y Hải Phòng. Dịch tễ học. Nhà xuất bản Y học. 2012

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Bảng; phấn

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phan Van Lai

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Dung Thu Khanh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- | | | |
|---|---------------------------------|---------------|
| • Tên học phần: | Biến đổi khí hậu và thảm họa | |
| • Đối tượng: | Học viên cao học Y tế công cộng | |
| • Mã số học phần: | CHYTCC.TC.17 | |
| • Số tín chỉ: 3 | Lý thuyết: 2 | Thực hành: 1 |
| • Số tiết học: 60 | Lý thuyết: 30 | Thực hành: 30 |
| • Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Y tế công cộng/ Sức khoẻ môi trường/ Dương Thị Hương | | |

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|------------------------|----------------------------|---------------------|
| 1 | PGS.TS Dương Thị Hương | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | dthuong@hpmu.edu.vn |
| 2 | TS. Phạm Đức Phúc | Trường ĐH Y tế công cộng | pdp@vohun.org |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Biến đổi khí hậu và thảm họa được xem là một thách thức ở quy mô toàn cầu trong hơn 30 năm qua và sẽ tiếp tục tác động lên sức khỏe con người, động vật và môi trường. Việt Nam được đánh giá là một trong 5 quốc gia dễ bị tổn thương nhất dưới tác động của biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng cũng như thảm họa.

Hiểu được quá trình, tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa đối với sức khoẻ cộng đồng cũng như đánh giá được tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế là rất cần thiết đối với những cán bộ làm việc trong lĩnh vực Y tế công cộng tại các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Mục tiêu của môn học nhằm cung cấp kiến thức và xây dựng kỹ năng giúp học viên xác định, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa, đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế cũng như đưa ra các giải pháp ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa ở các cấp nhằm giảm tác động của chúng đến sức khoẻ cộng đồng đồng thời góp phần xây dựng môi trường sống an toàn hơn.

Các khái niệm then chốt

- Biến đổi khí hậu
- Tính dễ bị tổn thương
- Tính thích ứng

- o Nguy cơ

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Phân tích dự đoán hậu quả của biến đổi khí hậu và thảm họa đến môi trường và sức khoẻ ở cấp Quốc gia và ở cấp ngành
- 2) Sơ đồ hoá các bước đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế với biến đổi khí hậu.

b. Về thái độ:

- 1) Có trách nhiệm, nghiêm túc trong việc thực hiện kiến thức, kỹ năng liên quan trong đánh giá tính dễ bị tổn thương và lập kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu và thảm họa

c. Về thực hành:

- 1) Lập được kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của một ngành ở cấp địa phương.
- 1) Thực hiện và viết được báo cáo đánh giá nhanh nhu cầu y tế trong thảm họa

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|---|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| 1 | Tổng quan về biến đổi khí hậu | 4 | 8 |
| 2 | Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khoẻ. | 4 | 8 |
| 3 | Đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Y tế. | 8 | 16 |
| 4 | Đại cương về quản lý thảm họa | 4 | 8 |
| 5 | Đánh giá nhanh nhu cầu y tế trong thảm họa | 4 | 8 |
| 6 | Lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa | 6 | 12 |
| | Tổng cộng | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|---------|--------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Thảo luận về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khoẻ. | 6 | 3 |
| 2 | Thảo luận về đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Y tế. | 6 | 3 |
| 3 | Đánh giá nhanh nhu cầu y tế trong thảm họa | 6 | 3 |
| 4 | Lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa | 12 | 6 |
| | Tổng | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o SBL
- Thực hành:
 - o báo cáo SBL

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi tự luận
 - o Thực hành: Báo cáo

- Số lần thi: 02

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

- [1] Tài liệu học tập về biến đổi khí hậu và thảm họa sử dụng cho học viên cao học YTCC

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Tài nguyên và Môi trường 2017. Quyết định số 672/QĐ-BTNMT Ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016-2020. Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- [2] Kristie Ebi et al. 2012. Protecting Health from Climate Change: Vulnerability and Adaptation Assessment. World Health Organisation.
- [3] McMichael, A.J., R.E. Woodruff, and S. Hales, *Climate change and human health: Present and future risks* The Lancet, 2006. 367(859–869).

[4] D.T.T. Toan, et al., *Risk factors associated with an outbreak of dengue fever/dengue haemorrhagic fever in Hanoi, Vietnam*. Epidemiological Infection, 2014: p. 1-5.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, Internet, giấy A0, bút dạ,
- Giảng đường

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Dương Thị Hương

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- **Tên học phần:** Quản lý y tế - chính sách y tế
- **Đối tượng:** Học viên cao học Y tế công cộng
- **Mã học phần:** CHYTCC.TC.18
- **Số tín chỉ: 3** Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- **Số tiết học 45** Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- **Khoa/BM/giảng viên phụ trách:** Y tế công cộng/ Y học xã hội/ Trần Thị Thúy Hà

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|
| 1 | BSCKII. Nguyễn Bá Dũng | Khoa Y tế công cộng | nbdung@hpmu.edu.vn |
| 2 | PGS.TS. Phạm Văn Hán | Khoa Y tế công cộng | pghan@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Môn học Quản lý y tế - chính sách y tế giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý của ngành y tế. Môn học này trang bị cho học viên những kiến thức về chính sách, những kỹ năng về tổ chức, quản lý, giúp cho những cán bộ quản lý đang công tác ở các tuyến trong ngành y tế phát huy nội và ngoại lực tại các vùng, miền nơi công tác với hiệu quả cao nhất.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Phân tích được chu trình quản lý y tế cơ bản và vận dụng được các kiến thức về chính sách và quản lý y tế vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân
- 2) Vận dụng được các quan điểm của Đảng, và Chính sách của Nhà nước vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân

b. Về kỹ năng:

- 1) Lập được bản kế hoạch giải quyết một vấn đề sức khỏe y tế công cộng
- 2) Lập được bản kế hoạch đánh giá một chương trình hoạt động y tế công cộng

c. Về mức tự chủ/chịu trách nhiệm:

- 1) Có thái độ đúng đắn về việc áp dụng các kiến thức về chính sách và quản lý y tế trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| 1 | Bài 1. Tổng quan hệ thống y tế. Tổ chức hệ thống y tế Việt Nam. | 3 | 6 |
| 2 | Bài 2. Đại cương về quản lý và quản lý y tế. | 2 | 4 |
| 3 | Bài 3. Người cán bộ lãnh đạo và quản lý | 2 | 4 |
| 4 | Bài 4. Phân tích các vấn đề sức khỏe y tế công cộng | 3 | 6 |
| 5 | Bài 5. Chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên và xây dựng mục tiêu trong y tế công cộng. | 3 | 6 |
| 6 | Bài 6. Kế hoạch và lập kế hoạch y tế | 3 | 6 |
| 7 | Bài 7. Theo dõi, giám sát trong y tế công cộng | 3 | 6 |
| 8 | Bài 8. Đánh giá một chương trình hoạt động y tế công cộng | 3 | 6 |
| 9 | Bài 9. Xác định, phân tích và xây dựng chính sách y tế | 3 | 6 |
| 10 | Bài 10. Phân tích, đánh giá và điều chỉnh chính sách | 3 | 6 |
| 11 | Bài 11. Các chính sách y tế đang được thực hiện | 2 | 4 |
| | Tổng | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Bài 1. Phân tích các vấn đề sức khỏe y tế công cộng | 8 | 4 |
| 2 | Bài 2. Chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên và xây dựng mục tiêu trong y tế công cộng. | 8 | 4 |
| 3 | Bài 3. Kế hoạch và lập kế hoạch y tế | 6 | 3 |
| 4 | Bài 4. Đánh giá một chương trình hoạt động y tế công cộng | 8 | 4 |
| | Tổng | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận nhóm
 - o Phát vấn
- Thực hành:
 - o Hướng dẫn thảo luận bài tập, tình huống
 - o Bài tập nhóm
 - o Bài tập cá nhân
 - o Dạy một kĩ năng

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết trong 60 phút (trọng số 0,7)
 - o Thực hành: viết và trình bày báo cáo chuyên đề (trọng số 0,3)

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Y học xã hội (2014). Quản lý y tế - Chính sách y tế. Tài liệu dành cho Thạc sỹ Y tế công cộng.

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách y tế. Sách đào tạo cử nhân Y tế công cộng. NXB Y học.

<https://thuvienyhoc.edu.vn/2019/10/16/to-chuc-quan-ly-va-chinh-sach-y-te-dung-dao-tao-cu-nhan-y-te-cong-cong-bo-y-te/>

[2] Bộ Y tế (2011), Tổ chức và quản lý y tế. Sách đào tạo bác sĩ đa khoa, NXB Y học

[3] Quyết định số 1125/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 – 2020,

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Quyet-dinh-1125-QD-TTg-2017-phe-duyet-Chuong-trinh-muc-tieu-Y-te-Dan-so-2016-2020-357420.aspx>

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng học đảm bảo diện tích, ánh sáng, thông khí
- Máy tính, projector, micro
- Phấn, bảng

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Bá Dụng

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS Dương Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Chương trình mục tiêu y tế quốc gia
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.TC.19
- Số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 02 Thực hành: 01
- Số tiết học: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Khoa Y tế Công Cộng

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|--------------------------|--------------------------|---------------------|
| 1. | PGS. Ts. Dương Thị Hương | Đại học Y Dược Hải Phòng | dthuong@hpmu.edu.vn |
| 2. | PGS. TS. Phạm Minh Khuê | Đại học Y Dược Hải Phòng | pmkhue@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Ngành y tế đã và đang triển khai rất nhiều chương trình mục tiêu y tế quốc gia, đặc biệt ở tuyến y tế cơ sở, các chương trình y tế sẽ thay đổi theo từng giai đoạn để phù hợp với xu hướng diễn biến phức tạp của bệnh tật và dịch bệnh. Học phần này đề cập đến các chương trình mục tiêu y tế quốc gia có tính chất ưu tiên, trọng điểm trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Trình bày được mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của các chương trình mục tiêu y tế quốc gia
- 2) Phân tích được các giải pháp chung của các chương trình mục tiêu y tế quốc gia

b. Về thái độ:

- 1) Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia trong chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

c. Về thực hành:

- 1) Phân tích được các chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang được triển khai tại cơ sở y tế

- 1) Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia trong chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

c. Về thực hành:

- 1) Phân tích được các chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang được triển khai tại cơ sở y tế

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-----|--|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| 1. | Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia | 2 | 4 |
| 2. | Chương trình phòng chống Suy dinh dưỡng | 2 | 4 |
| 3. | Chương trình an toàn thực phẩm | 3 | 6 |
| 4. | Chương trình phòng chống sốt xuất huyết Dengue | 2 | 4 |
| 5. | Chương trình phòng chống sốt rét | 2 | 4 |
| 6. | Chương trình quản lý rủi ro thảm họa dựa và cộng đồng và thích nghi biến đổi khí hậu | 3 | 6 |
| 7. | Chương trình phòng chống lao | 2 | 4 |
| 8. | Chương bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng | 3 | 6 |
| 9. | Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá | 2 | 4 |
| 10. | Chương trình phòng chống bệnh không lây | 3 | 6 |
| 11. | Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường | 2 | 4 |
| 12. | Chương trình phòng chống tai nạn thương tích | 2 | 4 |
| 13. | Chương trình phòng chống HIV/AIDS | 2 | 4 |
| | Tổng | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1. | Chương trình phòng chống Suy dinh dưỡng | 4 | 2 |
| 2. | Chương trình an toàn thực phẩm | 4 | 2 |
| 3. | Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá | 4 | 2 |
| 4. | Chương bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng | 4 | 2 |
| 5. | Chương trình phòng chống bệnh không lây | 4 | 2 |
| 6. | Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường | 4 | 2 |
| 7. | Chương trình phòng chống tai nạn thương tích | 4 | 2 |
| 8. | Chương trình phòng chống HIV/AIDS | 2 | 1 |
| | Tổng | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:

- o Thuyết trình;
- o Thảo luận nhóm

- Thực hành:
 - o Tình huống mẫu
 - o Phân tích các cơ sở y tế có cán bộ y tế tham gia khóa học

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi tự luận
- Số lần thi: 01

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Trường đại học Y Dược Hải Phòng (2016). Tài liệu học tập Chương trình mục tiêu y tế quốc gia.

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Quyết định số 1225/QĐ-Ttg Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - dân số giai đoạn 2016-2020. Truy cập <https://moh.gov.vn/documents/20182/248295/1125.signed.pdf/e3d72607-6107-4fcf-8651-d3becf164311>

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, phấn bảng, giấy A0, bút dạ

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Thị Kiến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- **Tên học phần:** Nghịện chất
- **Đối tượng:** Học viên cao học Y tế công cộng
- **Mã số học phần:** CHYTCC.TC.20
- **Số tín chỉ: 03 TC** Lý thuyết: 02 Thực hành: 01
- **Số tiết học: 60** Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- **Khoa/BM/giảng viên phụ trách:** Khoa Y tế công cộng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-------------------------|----------------------------|---------------------|
| 1 | PGS.TS Phạm Minh Khuê | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | pmkhue@hpmu.edu.vn |
| 2 | PGS. TS Dương Thị Hương | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | dthuong@hpmu.edu.vn |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Tệ nạn ma túy có tác hại rất lớn đến kinh tế, chính trị, xã hội, hạnh phúc, giống nòi, làm suy thoái về đạo đức, lối sống, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm như trộm cắp, cướp của giết người, lừa đảo, cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng..., đồng thời cũng là nguyên nhân chính dẫn đến đại dịch HIV của thế giới.

Ma túy và sử dụng ma túy diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Sự gia tăng về số lượng, chủng loại các loại ma túy và thay đổi trong xu thế sử dụng ma túy của cộng đồng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, khả năng mắc bệnh, tăng nguy cơ tử vong ở các mức độ khác nhau của người sử dụng ma túy.

Tiêm chích ma túy làm gia tăng sự lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm như viêm gan vi rút, HIV/AIDS trong cộng đồng người nghiện ma túy và nguy cơ lan truyền rộng trong cộng đồng. Chuyên đề này nhằm giúp học viên có được kiến thức tổng hợp và mối liên hệ trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế về các vấn đề liên quan đến nghiện chất như tâm thần, HIV và viêm gan vi rút để phục vụ cho công việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Phân tích được các đặc điểm dịch tễ học cơ bản và gánh nặng bệnh tật xã hội của nghiện chất.
- 2) Mô tả được các phương pháp chẩn đoán và mô hình điều trị nghiện.
- 3) Phân tích được tác động của các chính sách và biện pháp can thiệp giảm hại với nghiện chất.

b. Về thái độ:

- 1) Có thái độ nghiêm túc trong học tập và xây dựng tinh thần tự học tập suốt đời.

c. Về kỹ năng/thực hành:

- 1) Đánh giá được tác động của mô hình điều trị cai nghiện tập trung trong điều trị nghiện.
- 2) Đánh giá được tác động của mô hình điều trị thay thế chất dạng thuốc phiện bằng methadone trong điều trị nghiện.
- 3) Đánh giá được tác động của hoạt động can thiệp cộng đồng trong điều trị nghiện.
- 4) Thực hiện được kỹ năng phỏng vấn tạo động lực trong tham vấn điều trị nghiện.

4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| STT | Nội dung/Tên bài | Số tiết | |
|-----|---|---------|--------|
| | | LT | Tự học |
| 1 | Tổng quan về nghiện chất | 4 | 8 |
| 2 | Đặc điểm một số chất gây nghiện chính | 4 | 8 |
| 3 | Chẩn đoán nghiện | 4 | 8 |
| 4 | Chính sách pháp luật về vấn đề sử dụng chất gây nghiện -- mô hình điều trị nghiện | 4 | 8 |
| 5 | Chương trình can thiệp giảm tác hại | 4 | 8 |
| 6 | Chương trình điều trị thay thế chất dạng thuốc phiện bằng methadone | 2 | 4 |
| 7 | Tham vấn điều trị nghiện | 2 | 4 |
| 8 | Thảo luận nhóm theo chủ đề | 6 | 12 |
| | Tổng | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|----------|---------|--------|
| | | TH | Tự học |
| | | | |

| | | | |
|---|---|-----------|-----------|
| 1 | Thực hành đánh giá mô hình điều trị cai nghiện tập trung | 8 | 4 |
| 2 | Thực hành đánh giá mô hình điều trị thay thế chất dạng thuốc phiện bằng methadone | 8 | 4 |
| 3 | Thực hành đánh giá tác động của hoạt động can thiệp cộng đồng | 8 | 4 |
| 4 | Thực hành phỏng vấn tạo động lực trong tham vấn điều trị nghiện | 6 | 3 |
| | Tổng | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình
 - o Thảo luận nhóm
 - o Bài tập
 - Thực hành:
 - o Tình huống lâm sàng/cộng đồng
 - o Quan sát/Kiến tập
 - o Viết báo cáo
- 6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**
- Hình thức:
 - o Lý thuyết: học viên chọn chủ đề liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, làm việc nhóm và nộp báo cáo, trình bày trước lớp về chủ đề được giao. Yêu cầu của báo cáo:
 - ✓ Hình thức: bằng powerpoint, từ 15-20 slide
 - ✓ Nội dung: đặt vấn đề, phương pháp thu thập thông tin, kết quả thu thập thông tin
 - o Thực hành: học viên đi thực hành và viết báo cáo thực hành theo nhóm, điểm báo cáo là điểm thi thực hành cuối học phần.
 - Số lần thi: 01 (Lý thuyết).
 - Điểm tổng kết học phần tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} * 2 + \text{TH} * 1) / 3$$

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Tài liệu phát tay – Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Hướng dẫn điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone và hướng dẫn tổ chức thực hiện. - H. : Y học, 2008

[2] Ủy ban quốc gia phòng chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm (2012). Chiến lược quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

<https://vaac.gov.vn/sach-chien-luoc-quoc-gia-phong-chong-hiv-aids-den-nam-2020-va-tam-nhin-2030.html>

[3] Nghị định 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của chính phủ Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

[4] Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu. Phạm Văn Thúc. Trường Đại học Y Hải Phòng. Nhà xuất bản Y học, 2010.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng,

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thắm

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Dương Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- **Tên học phần:** Vệ sinh bệnh viện và trường học
- **Đối tượng:** Học viên cao học YTCC
- **Mã số học phần:** CHYTCC.TC.21
- **Số tín chỉ: 3** Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- **Số tiết học: 60** Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- **Khoa/BM/giảng viên phụ trách:** PGS. TS. Dương Thị Hương

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|-------------------------|---------------------|---------------------|
| 1. | PGS.TS. Dương Thị Hương | Khoa y tế công cộng | dthuong@hpmu.edu.vn |
| 3. | BSCKII Đồng Trung Kiên | Khoa y tế công cộng | dtk.skmt@gmail.com |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Môn vệ sinh bệnh viện và trường học cung cấp kiến thức cơ bản về điều kiện vệ sinh yếu tố nguy cơ sức khỏe cho nhân viên y tế, học sinh và cộng đồng chịu ảnh hưởng cũng như các biện pháp dự phòng ảnh hưởng có hại đối với sức khỏe từ môi trường này

Mục tiêu của môn học:

Học viên có khả năng phát hiện và đánh giá nguy cơ và bệnh liên quan từ môi trường bệnh viện và trường học và đề xuất các biện pháp dự phòng phù hợp

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Mô tả các nguy cơ môi trường từ môi trường bệnh viện và trường học
- 2) Mô tả các bệnh liên quan đến môi trường bệnh viện và trường học
- 3) Áp dụng các bước đánh giá nguy cơ và đo lường hậu quả trong nghiên cứu sức khỏe bệnh viện và trường học

b. Về thái độ:

- 1) Tự học bổ sung kiến thức liên quan
- 2) Nguy cơ ô nhiễm từ môi trường bệnh viện & trường học có thể dự phòng và giảm nhẹ hậu quả đối với sức khỏe cộng đồng

c. *Về thực hành:*

- 1) Áp dụng các bước đánh giá nguy cơ để đánh giá được nguy cơ ô nhiễm môi trường bệnh viện và trường học
- 2) Xây dựng đề cương cho một nghiên cứu về môi trường bệnh viện và trường học

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-------------|--|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| | Phản vệ sinh bệnh viện | | |
| 1 | Bài 1. Đại cương về vệ sinh bệnh viện | 2 | 4 |
| 2 | Bài 2. Quản lý chất thải bệnh viện | 4 | 8 |
| 3 | Bài 3. Phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện | 4 | 8 |
| 4 | Bài 4. Phòng chống tai nạn kim đâm xuyên và phơi nhiễm nghề nghiệp | 4 | 8 |
| | Phản vệ sinh trường học | | |
| 5 | Vệ sinh trường học | 2 | 4 |
| 6 | Một số vấn đề liên quan đến vệ sinh trường học và bệnh học đường | 5 | 10 |
| 7 | Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe học sinh | 5 | 10 |
| 8 | Tổ chức khám sức khỏe định kì cho học sinh | 4 | 8 |
| Tổng | | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-------------|--|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| | Phản vệ sinh bệnh viện | | |
| 1 | Bài 1. Hướng dẫn khử khuẩn trong cơ sở y tế | 4 | 2 |
| 2 | Bài 2. Đánh giá nguy cơ và lây nhiễm nhiễm khuẩn bệnh viện | 5 | 2 |
| 3 | Bài 3. Lập đề cương nghiên cứu phơi nhiễm nghề nghiệp và lây nhiễm bệnh trong nhân viên y tế | 6 | 3 |
| | Phản vệ sinh trường học | | |
| 4 | Bài 4. Kiểm tra vệ sinh trường học | 3 | 2 |
| 5 | Bài 5. Phát hiện cong vẹo cột sống | 3 | 2 |
| 6 | Bài 6. Đánh giá nguy cơ bệnh tật học đường | 5 | 2 |
| 7 | Bài 7. Tổ chức quản lý khám sức khỏe định kì | 4 | 2 |
| Tổng | | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:
 - o Thuyết trình;
 - o Thảo luận nhóm
- Thực hành:
 - o Dạy một kĩ năng

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi viết
 - o Thực hành: Bảng kiểm/báo cáo
- Số lần thi: 01
 - o Thực hành: 0 (điểm báo cáo thực hành)
 - o Lý thuyết: 01
- Cách tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} * 2 + \text{TH} * 1) / 3$$

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

- [1] Khoa y tế công cộng (2012) Tài liệu học tập môn Vệ sinh bệnh viện
- [2] Khoa y tế công cộng (2012) Tài liệu học tập môn Vệ sinh trường học

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Trần Hiển (2006) Dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS cho nhân viên y tế : Sách dành cho giảng viên - Với sự tài trợ của dự án Life - GAP/CDC NXB- Y học, 2006.
- [2] Đỗ Quyết. (2013) Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện : Sách dùng đào tạo đại học NXB : Quân đội nhân dân, 2013.
- [3] Nhiễm trùng bệnh viện. NXB Y học, 2010.
- [4] Bộ y tế (2001) Quy chế bệnh viện : Ban hành kèm theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế, số 1895/1997/BYT-QĐ, ngày 19/09/1997 / Bộ Y tế. NXB : Y học, 2001.
- [5] Bộ y tế (1986). Thực hành bệnh viện / Bộ y tế. - 3. - NXB Y học, 1986.
- [6] Bộ y tế (2001). Quản lý bệnh viện Trường cán bộ quản lý y tế / Bộ Y tế. - NXB Y học, 2001.
- [7] Khoa YTCC. Tài liệu học tập phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng: Dành cho đào tạo bác sĩ YHDP
- [8] Trần Thanh Dương (2010). Hướng dẫn phòng chống một số bệnh, tật phổ biến ở tuổi học đường. Cục y tế dự phòng, 2010.

- [9] Trần Văn Dân (2012) Sức khỏe trường học : Giáo trình cho cử nhân YTCC định hướng SKMT-NN NXB Lao động xã hội, 2012.
- [10] Sổ tay thực hành Y tế trường học. – Nhà xuất bản Y học, 2001
- [11] World health organization (1997) Oral health surveys : Basic methods /. - 4th ed. - Geneva : WHO, 1997.
- [12] Carolyn Jarvis (2014) Physical examination & health assessment /. - 2nd ed. - Canada: Elsevier, 2014.
- [13] Brown & Benchmark (1993) Organization of school health programs / Kerry Redican. - 2nd edition. - England: 1993.

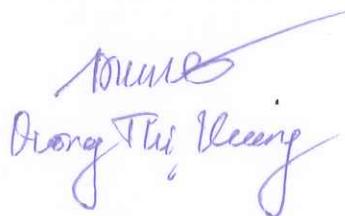
8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu,
- Phòng thực hành, giảng đường

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

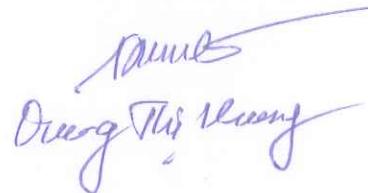
Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Duong Thi Uyen

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Duong Thi Uyen

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Quản lý nguy cơ sinh học
- Đối tượng: Học viên cao học Y tế công cộng
- Mã số học phần: CHYTCC.TC.22
- Số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- Số tiết học: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Khoa Y tế công cộng/ Sức khoẻ môi trường/ Dương Thị Hương

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|--------------------|----------------------------|----------------------|
| 1 | Dương Thị Hương | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | dthuong@hpmu.edu.vn |
| 2 | Bạch Thị Như Quỳnh | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | bqnquynh@hpmu.edu.vn |
| 3 | Phạm Đức Phúc | Trường ĐH Y tế công cộng | pdp@vohun.org |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Nguy cơ sinh học là một trong những thách thức ở quy mô toàn cầu ảnh hưởng tới sức khoẻ cộng đồng. Quản lý nguy cơ sinh học là một quá trình được thiết kế để đánh giá và khống chế các nguy cơ liên quan đến việc xử lý hoặc bảo quản và tiêu tuỷ các tác nhân, độc chất trong phòng thí nghiệm và các cơ sở vật chất.

Hiểu được khái niệm cơ bản về nguy cơ sinh học, quy định về an toàn sinh học, quản lý nguy cơ là rất cần thiết để thực hiện đánh giá cũng như quản lý nguy cơ sinh học đối với cán bộ làm việc trong lĩnh vực y tế công cộng. Mục tiêu của học phần nhằm cung cấp kiến thức và xây dựng kỹ năng giúp học viên xác định, đánh giá và áp dụng quản lý nguy cơ sinh học trong một môi trường cụ thể.

Các khái niệm then chốt:

- An ninh sinh học
- An toàn sinh học
- Quản lý nguy cơ

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Giải thích các khái niệm cơ bản về nguy cơ, quản lý nguy cơ sinh học và phương pháp đánh giá nguy cơ sinh học
- 2) Phân tích được vai trò của mô hình AMP trong quản lý nguy cơ sinh học

b. Về thái độ:

- 1) Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả với cá nhân và cộng đồng để thực hiện nhiệm vụ trong lập kế hoạch, thực hiện và viết báo cáo về đánh giá, quản lý nguy cơ sinh học

c. Về thực hành:

- 1) Phát hiện được nguy cơ sinh học trong cộng đồng
- 2) Xây dựng một số giải pháp phòng ngừa và quản lý nguy cơ sinh học trong cộng đồng

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|--|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| 1 | Đại cương về quản lý nguy cơ sinh học | 4 | 8 |
| 2 | Hệ thống quản lý nguy cơ sinh học | 3 | 6 |
| 3 | Một số văn bản về quản lý nguy cơ sinh học ở Việt Nam và trên thế giới | 3 | 6 |
| 4 | Quy định về an toàn sinh học tại Việt Nam | 4 | 8 |
| 5 | Quản lý chất thải phòng thí nghiệm | 4 | 8 |
| 6 | Dánh giá nguy cơ sinh học | 12 | 24 |
| | Tổng cộng | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|----|---|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1 | Lập kế hoạch quản lý chất thải phòng thí nghiệm | 8 | 4 |
| 2 | Phát hiện nguy cơ sinh học trong cộng đồng | 12 | 6 |
| 3 | Lập kế hoạch dự phòng và quản lý nguy cơ sinh học | 10 | 5 |
| | Tổng | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:

- o Thuyết trình;
- o SBL

- Thực hành:

- o SBL

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: Thi tự luận
 - o Thực hành: Báo cáo
- Số lần thi: 02
- Cách tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} * 2 + \text{TH} * 1) / 3$$

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Tài liệu học tập về quản lý nguy cơ sinh học cho học viên cao học YTCC

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007

[2] WHO. Cẩm nang an toàn sinh học, năm 2004

[3] World Health Organization. (2017). *Guidance on regulations for the transport of infectious substances 2017–2018: applicable as of 1 January 2017.* World Health Organization. <https://apps.who.int/iris/handle/10665/254788>.

[4] Petra Dickmann, Ashaluck Bhatiasevi, Fadela Chaib, Ombretta Baggio, Christina Banluta, Lilian Hollenweger, and Abderrahmane Maaroufi 2015. *Biological Risks to Public Health: Lessons from an International Conference to Inform the Development of National Risk Communication Strategies.* Health Security. Volume 14, Number 6, 2016 Mary Ann Liebert, Inc. DOI: 10.1089/hs.2016.0050

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, Internet, giấy A0, bút dạ,

- Giảng đường

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Dương Thị Hương

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- | | | |
|---|-----------------------|---------------|
| • Tên học phần: | Dân số và phát triển | |
| • Đối tượng: | Học viên cao học YTCC | |
| • Mã số học phần: | CHYTCC.TC.23 | |
| • Số tín chỉ: 3 | Lý thuyết: 2 | Thực hành: 1 |
| • Số tiết học: 45 | Lý thuyết: 30 | Thực hành: 30 |
| • Khoa/BM/giảng viên phụ trách: Khoa YTCC | | |

2. CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY:

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Email |
|-----|------------------------|-----------|-------|
| 1. | TS. Trần Thị Thúy Hà | Khoa YTCC | |
| 2. | ThS. Trần Thị Bích Hồi | Khoa YTCC | |

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu tổng quát

Môn học giúp học viên phân tích mối quan hệ nhân - quả giữa dân số với kinh tế, dân số với xã hội, dân số với môi trường cả ở cấp độ toàn cầu, mỗi quốc gia cho đến các địa phương và cấp độ gia đình. Điều này cũng cho thấy vị trí quan trọng của công tác DS-KHHGD đối với chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình, mỗi địa phương và toàn xã hội. Môn học cũng giới thiệu cho học viên một số nội dung quản lý nhà nước về dân số – KHHGD. Những kiến thức và kỹ năng được đề cập trong học phần sẽ được áp dụng trong thực tế công việc sau này của người cán bộ y tế nói chung và cán bộ y tế hoạt động trong lĩnh vực YTCC nói riêng.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- 1) Trình bày được khái niệm về phát triển, phát triển bền vững, phân tích được mối quan hệ giữa dân số và phát triển.
- 2) Trình bày và phân tích được mối quan hệ giữa dân số và phát triển kinh tế.
- 3) Trình bày và phân tích được mối quan hệ giữa dân số với các vấn đề xã hội.
- 4) Trình bày và phân tích được mối quan hệ giữa dân số với môi trường.
- 5) Trình bày được quy trình lập kế hoạch, quy trình xây dựng dự án dân số.
- 6) Phân tích được các chỉ số đánh giá chất lượng dân số và thực trạng chất lượng dân số Việt Nam hiện nay.
- 7) Trình bày được vai trò của Nhà nước với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và mô hình tổ chức bộ máy làm công tác DS-KHHGD ở Việt nam giai đoạn từ 8/2007 đến nay.
- 8) Liệt kê được các phương pháp dự báo dân số và Trình bày một số kết quả dự báo dân số Việt Nam từ năm 2014 đến năm 2049.

b. Về thái độ:

- 1) Nhận thức được tầm quan trọng của mối quan hệ nhân - quả giữa dân số với kinh tế, xã hội và môi trường trong sự phát triển của quốc gia, dân tộc.
- 2) Sẵn sàng áp dụng những kiến thức, kỹ năng về công tác dân số trong các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng

c. Về thực hành:

- 1) Vận dụng các kiến thức về mối quan hệ nhân - quả giữa dân số với kinh tế, xã hội và môi trường để lý giải và ra quyết định trong các tình huống cụ thể.
- 2) Xây dựng được một bản kế hoạch dự án dân số bằng các số liệu giả định.
- 3) Áp dụng một số công thức để tính toán dự báo dân số trong tương lai.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-------------------|--|-----------|-----------|
| | | LT | Tự học |
| 1. | Bài 1: Nhập môn “Dân số và phát triển” | 2 | 4 |
| 2. | Bài 2: Dân số và kinh tế | 4 | 8 |
| 3. | Bài 3: Dân số và các vấn đề xã hội | 4 | 8 |
| 4. | Bài 4: Dân số và tài nguyên, môi trường | 4 | 8 |
| 5. | Bài 5: Chất lượng dân số | 4 | 8 |
| 6. | Bài 6: Quản lý nhà nước về DS - KHHGĐ | 4 | 8 |
| 7. | Bài 7: Lồng ghép biến dân số vào kế hoạch phát triển cộng đồng | 4 | 8 |
| 8. | Bài 8: Dự báo dân số | 4 | 8 |
| Tổng cộng: | | 30 | 60 |

4.2. Thực hành

| TT | Nội dung | Số tiết | |
|-------------------|--|-----------|-----------|
| | | TH | Tự học |
| 1. | Bài 2: Dân số và kinh tế | 6 | 3 |
| 2. | Bài 3: Dân số và các vấn đề xã hội | 6 | 3 |
| 3. | Bài 4: Dân số và tài nguyên, môi trường | 6 | 3 |
| 4. | Bài 7: Lồng ghép biến dân số vào kế hoạch phát triển cộng đồng | 6 | 3 |
| 5. | Bài 8: Dự báo dân số | 6 | 3 |
| Tổng cộng: | | 30 | 15 |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

- Lý thuyết:

- o Thuyết trình;
- o Clicker;

- Hướng dẫn thảo luận tình huống
- Thực hành:
 - Hướng dẫn tính toán các bài tập kinh tế
 - Làm việc nhóm giải quyết các tình huống giả định

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Hình thức đánh giá:
 - Lý thuyết: Thi viết
 - Thực hành

- Số lần thi: 01

7. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

7.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Y học xã hội (2015). *Tài liệu phát tay “Dân số và phát triển”*.

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Trần Chí Liêm, *Dân số học*, Hà nội, Nhà xuất bản Y học, 2009.

[2] Jeni Klugman, *Human Development Reports 2011*, UNDP, 2011.

[3] Tổng cục dân số - KHHGĐ, Tài liệu Quản lý Nhà nước về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Tài liệu dùng cho Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ dân số-kế hoạch hóa gia đình, Hà Nội, năm 2014.

[4] Tạp chí Dân số và Phát triển, <http://www.gopfp.gov.vn>, Tổng cục dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu

- Giảng đường: bàn ghế, các phương tiện cho làm việc nhóm

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thúy Hà

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Thị Léeng